



# Máy phun tưới Cỏ Multi Pro® 5800 với Hệ thống Phun tưới ExcelaRate®

Số Model 41393—Số Sê-ri 400000000 trở lên

Số Model 41394—Số Sê-ri 402700001 trở lên

Số Model 41394CA—Số Sê-ri 400000000 trở lên

## Hướng dẫn Phần mềm

Vui lòng đọc kỹ thông tin này để hiểu cách vận hành và bảo trì sản phẩm đúng cách, cũng như để tránh gây thương tích và làm hư hỏng sản phẩm. Bạn là người chịu trách nhiệm vận hành sản phẩm đúng cách và an toàn.

Bất cứ khi nào bạn cần dịch vụ, phụ tùng Toro chính hãng hoặc thông tin bổ sung, vui lòng chuẩn bị sẵn mẫu máy, số sê-ri của sản phẩm và liên hệ với Đại lý dịch vụ được ủy quyền hoặc Dịch vụ Khách hàng của Toro.

Bạn có thể liên hệ trực tiếp với Toro tại địa chỉ [www.Toro.com](http://www.Toro.com) để xem các tài liệu đào tạo về an toàn sản phẩm và vận hành, thông tin về phụ kiện, trợ giúp tìm đại lý hoặc đăng ký sản phẩm của bạn.

## Giới thiệu

Hướng dẫn Phần mềm dành cho Máy phun tưới Cỏ Multi Pro 5800-D và 5800-G với Hệ thống Phun tưới ExcelaRate cung cấp thông tin sử dụng hệ thống máy phun tưới và điều khiển các chức năng của hệ thống máy phun tưới.

## Nội dung

|   |    |
|---|----|
| Giới thiệu .....                              | 1  |
| Thiết lập .....                               | 1  |
| Trước khi Bạn Bắt đầu Phun tưới.....          | 1  |
| Tổng quan về Sản phẩm .....                   | 2  |
| Điều khiển .....                              | 2  |
| Vận hành .....                                | 4  |
| Trước khi Vận hành .....                      | 4  |
| Truy cập Màn hình Menu Chính .....            | 4  |
| Menu Phụ Chính của InfoCenter .....           | 5  |
| Hiệu chuẩn Máy phun tưới.....                 | 15 |
| Trong khi Vận hành .....                      | 27 |
| Màn hình Điện tích Phun tưới InfoCenter ..... | 27 |
| Tư vấn của InfoCenter .....                   | 30 |
| Mã Lỗi InfoCenter .....                       | 31 |
| Bảo trì .....                                 | 33 |
| Màn hình Chức năng vận hành .....             | 33 |
| Màn hình Chẩn đoán .....                      | 33 |
| Màn hình Giới thiệu .....                     | 35 |

## Thiết lập

### Trước khi Bạn Bắt đầu Phun tưới

#### Chuẩn bị Máy Khi Phun tưới ở Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng

- Đổ đầy bình phun tưới và bình chứa nước sạch; tham khảo quy trình đổ đầy bình phun tưới và đổ đầy bình nước sạch trong *Hướng dẫn Vận hành*.
- Hiệu chuẩn hệ thống máy phun tưới; tham khảo *Hiệu chuẩn Máy phun tưới (trang 15)*.
- Đặt (các) giá trị tỷ lệ ứng dụng và tỷ lệ ứng dụng đang hoạt động cho công tác của máy phun tưới; tham khảo *Đặt Giá trị Tỷ lệ 1 hoặc Tỷ lệ 2 (trang 5)* và *Đặt Tỷ lệ Đang hoạt động (trang 5)*.
- Khi cần, hãy tạo cấu hình các cài đặt tùy chọn sau:
  - Đặt tỷ lệ phần trăm tăng; tham khảo *Đặt Tỷ lệ phần trăm Tăng (trang 6)*.
  - Nếu bạn đang sử dụng CHỈ SỐ GIỚI HẠN DƯỚI, hãy nhập thể tích hóa chất trong bình phun tưới; tham khảo *Đặt Thể tích Bình (trang 7)*.
  - Đặt chỉ số giới hạn dưới và giá trị thể tích giới hạn dưới cho bình; tham khảo *Đặt Chỉ số Giới hạn Dưới (trang 7)* và *Đặt Giá trị Thể tích Giới hạn Dưới (trang 7)*.
  - Đặt giá trị khuấy trộn đã đặt trước; tham khảo *Đặt Giá trị Khuấy trộn Đặt trước (Chỉ ở Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng) (trang 7)*.



## Chuẩn bị Máy khi Phun tưới ở Chế độ Thủ công

1. Đổ đầy bình phun tưới và bình chứa nước sạch; tham khảo quy trình đổ đầy bình phun tưới và đổ đầy bình nước sạch trong *Hướng dẫn Vận hành*.
2. Khi cần, hãy tạo cấu hình các cài đặt tùy chọn sau:
  - Tùy chọn: Nếu bạn đang sử dụng CHỈ SỐ GIỚI HẠN DƯỚI, hãy nhập thể tích hóa chất trong bình phun tưới; tham khảo [Đặt Thể tích Bình \(trang 7\)](#).
  - Tùy chọn: đặt chỉ số giới hạn dưới và giá trị thể tích giới hạn dưới cho bình; tham khảo [Đặt Chỉ số Giới hạn Dưới \(trang 7\)](#) và [Đặt Giá trị Thể tích Giới hạn Dưới \(trang 7\)](#).

# Tổng quan về Sản phẩm

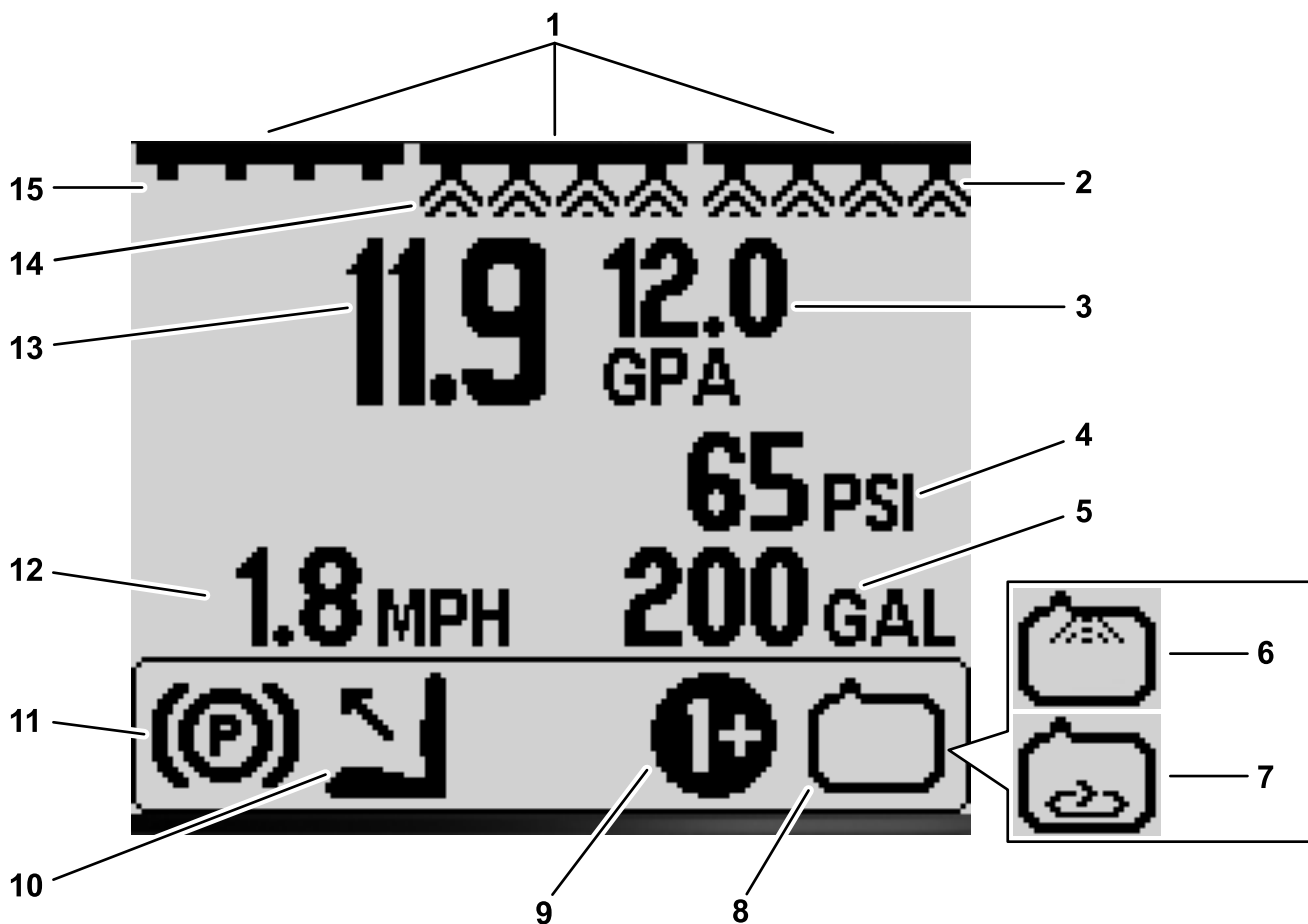
## Điều khiển

### Màn hình chính của InfoCenter

Khi bạn khởi động máy, màn hình chính sẽ xuất hiện, hiển thị các biểu tượng tương ứng áp dụng (ví dụ: phanh đỗ đang bật, các bộ phận của máy phun đang bật, bạn đã ra khỏi ghế, v.v.).

**Lưu ý:** Hình sau là ví dụ về màn hình; màn hình này hiển thị tất cả các biểu tượng **có khả năng** xuất hiện trên màn hình khi đang hoạt động.

Hãy xem định nghĩa các biểu tượng ở trong hình sau ([Hình 1](#)).



Hình 1

g191986

- |   |  |   |  |
|---|--|---|--|
| 1. Chỉ báo công tắc phần chính – BẬT      | 5. Chỉ số thể tích bình (US gallon hiển thị) | 9. Chỉ số tỷ lệ ứng dụng/tỷ lệ tăng đang hoạt động—BẬT    | 13. Tỷ lệ ứng dụng đang hoạt động (gpa hiển thị) |
| 2. Chỉ báo phần bên phải – BẬT            | 6. Chỉ số hệ thống rửa—BẬT (bộ tùy chọn)     | 10. Người vận hành ra khỏi ghế                            | 14. Chỉ số phần trung tâm—BẬT                    |
| 3. Tỷ lệ ứng dụng mục tiêu (gpa hiển thị) | 7. Chỉ số khuấy trộn—BẬT                     | 11. Chỉ số phanh đỗ                                       | 15. Chỉ số phần bên trái—TẮT                     |
| 4. Chỉ số áp suất hệ thống (psi hiển thị) | 8. Chỉ số bơm phun tưới—BẬT                  | 12. Chỉ báo tốc độ phương tiện (hiển thị theo đơn vị mph) |  |

### Chỉ số Phần Chính

Chỉ số phần chính hiển thị khi công tắc phần chính ở vị trí BẬT (Hình 1).

### Chỉ báo Bộ phận Bộ phun tưới

Hiển thị các Bộ phận bộ phun tưới bên trái, bên phải và/hoặc trung tâm khi BẬT công tắc bất kỳ của phần máy phun tưới (Hình 1).

### Lượng phun tưới áp dụng

Lượng phun tưới áp dụng cho biết lượng nước đang áp dụng cho sản phẩm được phun tưới (Hình 1).

### Tỷ lệ Ứng dụng Mục tiêu (Chỉ ở Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng)

Tỷ lệ ứng dụng mục tiêu cho biết tỷ lệ mục tiêu mà người dùng đặt (Hình 1).

**Lưu ý:** Ở chế độ tỷ lệ ứng dụng, hệ thống sẽ cố gắng đạt được tỷ lệ mục tiêu mà bạn đã đặt.

### Chỉ báo Tốc độ Phương tiện

Chỉ báo tốc độ phương tiện hiển thị tốc độ xe hiện tại (Hình 1).

### Chỉ số Áp suất Hệ thống

Khi các phần của máy phun tưới đang hoạt động (bật), chỉ số áp suất hệ thống sẽ hiển thị áp suất phun tưới; khi các phần của máy phun tưới tắt, áp suất cài đặt trước cho khuấy trộn sẽ hiển thị (Hình 1).

## Chỉ báo Phanh đỗ

Chỉ báo phanh đỗ hiển thị trên Màn hình Chính khi đang bật phanh đỗ (Hình 1).

## Chỉ số Ghế của Người vận hành

Chỉ số ghế của người vận hành hiển thị trên Màn hình Chính khi người vận hành đã ra khỏi ghế (Hình 1).

## Chỉ số Tỷ lệ Ứng dụng/Tỷ lệ Tăng Đang hoạt động (Chỉ ở Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng)

Chỉ số tỷ lệ ứng dụng đang hoạt động hiển thị tỷ lệ ứng dụng cài đặt trước nào mà bạn đang sử dụng (Hình 1). Chỉ số tỷ lệ tăng hiển thị khi bạn nhấn và giữ đồng thời các nút 1 và 5 để áp dụng tỷ lệ ứng dụng đã tăng, chẳng hạn như tăng tỷ lệ ứng dụng khi phun thuốc diệt cỏ lên đám cỏ dại.

## Chỉ số Bơm Phun tưới

Chỉ số bơm phun tưới hiển thị khi bơm phun tưới đang chạy (Hình 1).

## Chỉ số Hệ thống Rửa

### Bộ Tùy chọn

Chỉ số hệ thống rửa hiển thị khi hệ thống rửa đang hoạt động (Hình 1).

## Chỉ số Khuấy trộn

Chỉ số khuấy trộn hiển thị khi van khuấy trộn mở (Hình 1).

# Vận hành

## Trước khi Vận hành

## Truy cập Màn hình Menu Chính

Từ màn hình Chính, nhấn và giữ nút 5 (ngoài cùng bên phải) trên InfoCenter để truy cập màn hình MENU CHÍNH (Hình 2).

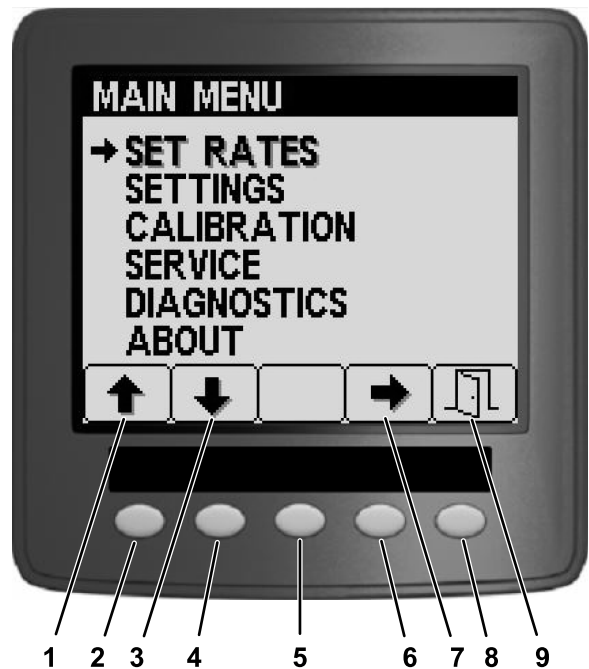


Hình 2

g193013

1. Nút 5

Từ màn hình menu chính, bạn có thể truy cập màn hình Đặt Tỷ lệ, màn hình Cài đặt, màn hình Hiệu chuẩn, màn hình Dịch vụ, màn hình Chẩn đoán hoặc màn hình Giới thiệu (Hình 3).



Hình 3

g193014

- |                  |                 |
|------------------|-----------------|
| 1. Mũi tên lên   | 6. Nút 4        |
| 2. Nút 1         | 7. Chọn mũi tên |
| 3. Mũi tên xuống | 8. Nút 5        |
| 4. Nút 2         | 9. Thoát        |
| 5. Nút 3         |                 |

# Menu Phụ Chính của InfoCenter

## Màn hình Đặt Tỷ lệ (Chỉ ở Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng)

1. Để truy cập màn hình đặt tỷ lệ, nhấn nút 2 trên màn hình MENU CHÍNH để điều hướng đến tùy chọn ĐẶT TỶ LỆ (Hình 4).



Hình 4

g191808

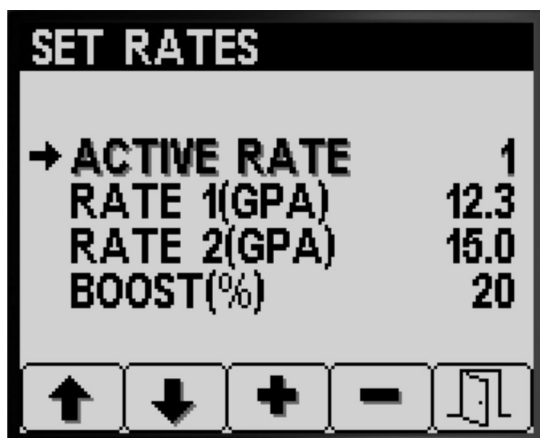
2. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ ĐẶT TỶ LỆ (Hình 4).

Màn hình này hiển thị và cho phép bạn đặt Tỷ lệ (ứng dụng) đang hoạt động, Tỷ lệ 1, Tỷ lệ 2 và Tỷ lệ phần trăm tỷ lệ tăng.

### Đặt Tỷ lệ Đang hoạt động

Sử dụng tùy chọn tỷ lệ đang hoạt động để đặt tỷ lệ đặt trước của máy phun tưới thành tỷ lệ 1 hoặc tỷ lệ 2.

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn TỶ LỆ ĐANG HOẠT ĐỘNG (Hình 5).



Hình 5

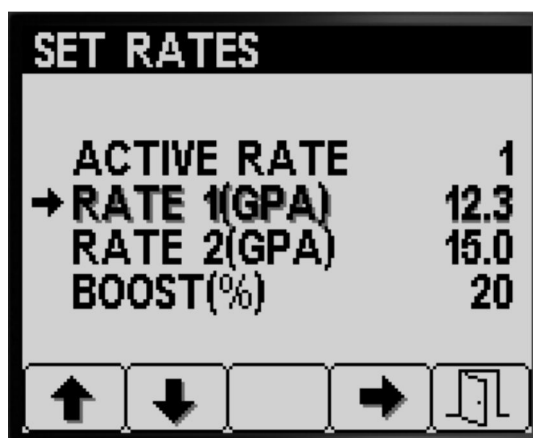
g191729

2. Nhấn nút 4 để chọn mục TỶ LỆ ĐANG HOẠT ĐỘNG (Hình 5).
3. Nhấn các nút 3 hoặc 4 để đặt tỷ lệ đang hoạt động đã lập trình thành TỶ LỆ 1 hoặc TỶ LỆ 2 (Hình 5).
4. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình TỶ LỆ và quay lại màn hình Chính.

**Lưu ý:** Khi bạn đang phun tưới, bạn có thể nhanh chóng chuyển đổi tỷ lệ đang hoạt động giữa giá trị tỷ lệ 1 và giá trị tỷ lệ 2 từ màn hình chính. Nhấn đồng thời các nút 1 và 2 để chọn TỶ LỆ 1 hoặc nhấn đồng thời các nút 4 và 5 để chọn TỶ LỆ 2.

### Đặt Giá trị Tỷ lệ 1 hoặc Tỷ lệ 2

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến các tùy chọn TỶ LỆ 1 hoặc TỶ LỆ 2 (Hình 6).

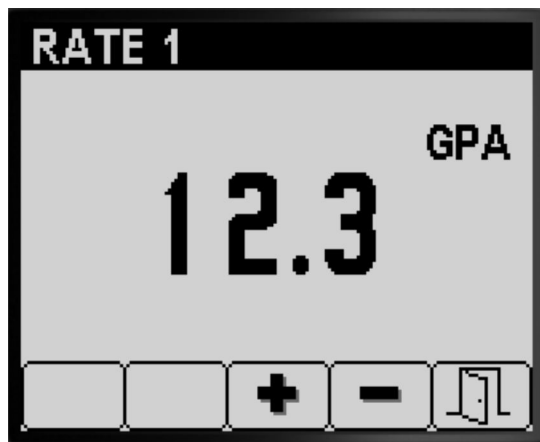


Hình 6

g191782

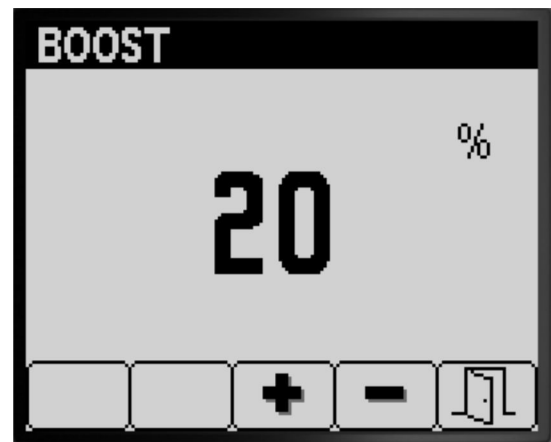
2. Nhấn nút 4 để chọn tùy chọn TỶ LỆ của máy phun tưới (Hình 6).
3. Nhấn nút 3 hoặc 4 để đặt tăng hoặc giảm tỷ lệ của máy phun tưới (Hình 7).

**Lưu ý:** Bạn có thể thay đổi tỷ lệ nhanh hơn bằng cách nhấn và giữ nút 3 hoặc 4.



Hình 7

g191794



Hình 9

g191807

4. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình TỶ LỆ và quay lại màn hình ĐẶT TỶ LỆ.

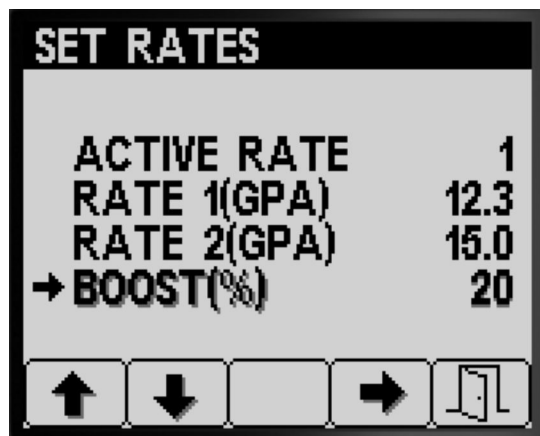
### Đặt Tỷ lệ phần trăm Tăng

% tỷ lệ tăng là lượng phần trăm được thêm vào tỷ lệ đang hoạt động khi bạn muốn phun thêm hóa chất vào khu vực trồng cỏ, chẳng hạn như phun thêm thuốc diệt cỏ vào khu vực cỏ dại.

**Lưu ý:** Trong khi sử dụng máy phun tưới, ở màn hình Chính, nhấn và giữ đồng thời các nút 1 và 5 để áp dụng tỷ lệ tăng.

Tăng chỉ đang hoạt động khi bạn giữ các nút 1 và 5, sau đó trả về tỷ lệ đã đặt khi bạn không còn nhấn và giữ những nút này nữa.

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn tỷ lệ phần trăm tỷ lệ tăng (Hình 8).



Hình 8

g191781

3. Nhấn nút 3 hoặc 4 để tăng hoặc giảm tỷ lệ phần trăm tăng (Hình 9).

**Lưu ý:** Ví dụ—nếu % tăng=25%, trong khi tỷ lệ tăng được kích hoạt, thể tích của máy phun tưới là 125% tỷ lệ đang hoạt động.

4. Nhấn nút 5 để lưu % TĂNG, thoát khỏi màn hình tăng, và quay lại màn hình ĐẶT TỶ LỆ.

### Cài đặt

1. Để truy cập màn hình CÀI ĐẶT, nhấn nút 2 trên màn hình MENU CHÍNH điều hướng đến tùy chọn Cài đặt (Hình 10).



Hình 10

g192022

2. Nhấn nút 4 để chọn cài đặt % Tăng (Hình 9).

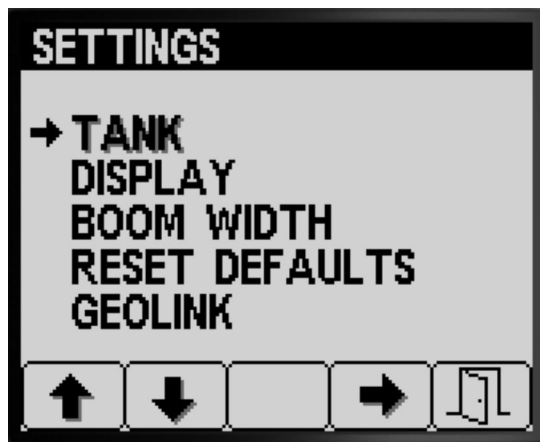
**Lưu ý:** Bạn có thể đặt tỷ lệ phần trăm tăng theo giá số 5%, 10%, 15%, 20% hoặc 25%.

2. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ CÀI ĐẶT (Hình 10).

**Lưu ý:** Màn hình này hiển thị và cho phép bạn đặt cài đặt Bình, Màn hình, Độ rộng Giàn, Đặt lại Mặc định và GeoLink.

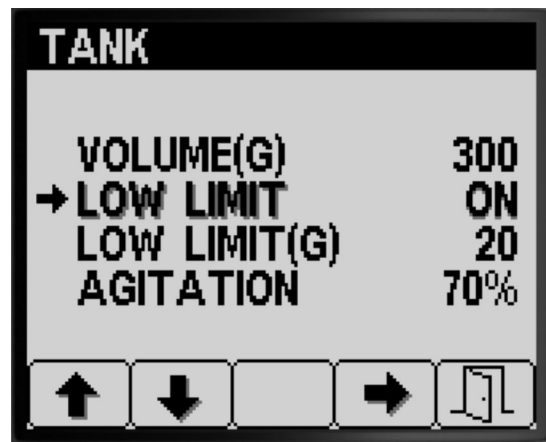
### Cài đặt Bình

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn BÌNH (Hình 11).



Hình 11

g191832



Hình 13

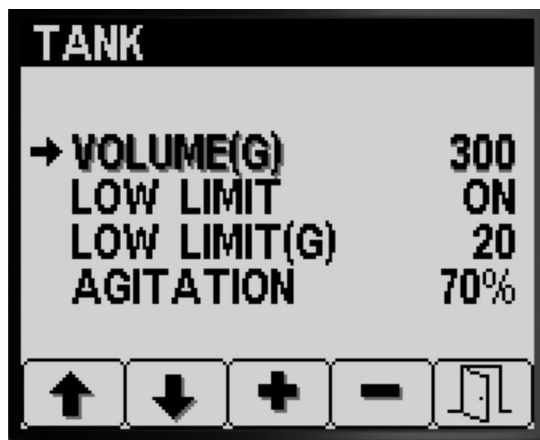
g191831

2. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ BÌNH (Hình 11).

Màn hình này hiển thị và cho phép bạn đặt cài đặt Thể tích Bình, Giới hạn Dưới, Thể tích Giới hạn Dưới và Khuấy trộn Đặt trước.

### Đặt Thể tích Bình

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn THỂ TÍCH BÌNH (Hình 12).



Hình 12

g191833

2. Nhấn nút 3 hoặc 4 để tăng hoặc giảm giá trị thể tích hóa chất trong bình phun tưới (Hình 12).
3. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình BÌNH và quay lại màn hình CÀI ĐẶT.

### Đặt Chỉ số Giới hạn Dưới

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn GIỚI HẠN DƯỚI (Hình 13).

2. Nhấn nút 4 để bật hoặc tắt chỉ số giới hạn cho thể tích bình thấp (Hình 13).
3. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình BÌNH và quay lại màn hình CÀI ĐẶT.

### Đặt Giá trị Thể tích Giới hạn Dưới

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn thể tích GIỚI HẠN DƯỚI (Hình 14).



Hình 14

g191829

2. Nhấn nút 4 để chọn mục thể tích GIỚI HẠN DƯỚI (Hình 14).
3. Nhấn nút 3 hoặc 4 để tăng hoặc giảm thể tích ngưỡng mà tại đó chỉ số giới hạn hiển thị trong InfoCenter (Hình 14).
4. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình BÌNH và quay lại màn hình CÀI ĐẶT.

### Đặt Giá trị Khuấy trộn Đặt trước (Chỉ ở Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng)

**Lưu ý:** Cài đặt khuấy trộn đặt trước được sử dụng để đặt tốc độ bơm của máy phun tưới khi máy phun tưới được vận hành ở Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng với

tất cả các phần của máy phun tưới đều tắt. Cài đặt khuấy trộn đặt trước điều khiển tỷ lệ phần trăm tốc độ bơm của máy phun tưới. Cài đặt khuấy trộn đặt trước mặc định là 40%.

1. Xác định áp suất máy phun tưới mục tiêu mà bạn định phun—ví dụ: 2,76 bar (40 psi). Ghi lại áp suất hiển thị trên áp kế máy phun tưới gắn trên bảng điều khiển ở bên dưới.

Áp suất máy phun tưới: \_\_\_\_\_

2. Tính toán áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu bằng công thức dưới đây:

Áp suất vận hành máy phun tưới x 1,5 đến 2,0 = áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu

Ví dụ: áp suất máy phun tưới mục tiêu 2,76 bar (40 psi) x 1,5 = áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu 4,1 bar (60 psi)  
 Ví dụ: áp suất máy phun tưới mục tiêu 2,76 bar (40 psi) x 2,0 = áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu 5,5 bar (80 psi)

Ghi lại phép tính của bạn ở đây: \_\_\_\_\_

3. Với công tắc phần chính ở vị trí TẮT và van tiết lưu động cơ được đặt ở tốc độ động cơ mà bạn dự định chạy máy, hãy điều chỉnh giá trị khuấy trộn đặt trước cho đến khi áp suất hệ thống máy phun tưới nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,0 lần áp suất hệ thống máy phun tưới mục tiêu mà bạn đã xác định ở bước 1.

Ví dụ: nếu bạn đang phun tưới ở áp suất 2,76 bar (40 psi), ban đầu hãy đặt Khuấy trộn Đặt trước để đạt được áp suất hệ thống từ 4,1 đến 5,5 bar (60 đến 80 psi).

**Lưu ý:** Nếu hóa chất trong bình phun tưới đang tạo bọt, hãy hạ thấp giá trị khuấy trộn đặt trước, nếu cần, để giảm áp suất hệ thống khi đang vận hành khuấy trộn bình.

4. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn KHUẤY TRỘN (Hình 15).



Hình 15

g191830

5. Nhấn nút 4 để chọn mục KHUẤY TRỘN (Hình 15).
6. Trong khi xem áp kế máy phun tưới gắn trên bảng điều khiển, hãy nhấn nút 3 hoặc 4 để tăng hoặc giảm giá trị đặt trước cho đến khi áp suất máy phun tưới ở mức áp suất đặt trước cho khuấy trộn ban đầu mà bạn đã tính ở bước 2 (Hình 15).

**Lưu ý:** Không vượt quá 586 kPa (85 psi) áp suất hệ thống máy phun tưới khi điều chỉnh giá trị khuấy trộn đặt trước.

**Lưu ý:** Bạn có thể đặt giá trị khuấy trộn đặt trước cao hơn nếu khuấy trộn không làm cho hóa chất trong bình tạo bọt. Bạn có thể cần giảm giá trị khuấy trộn nếu khuấy trộn làm cho hóa chất trong bình tạo bọt.

7. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình BÌNH và quay lại màn hình CÀI ĐẶT.

## Cài đặt Hiển thị

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn HIỂN THỊ (Hình 16).



Hình 16

g191894

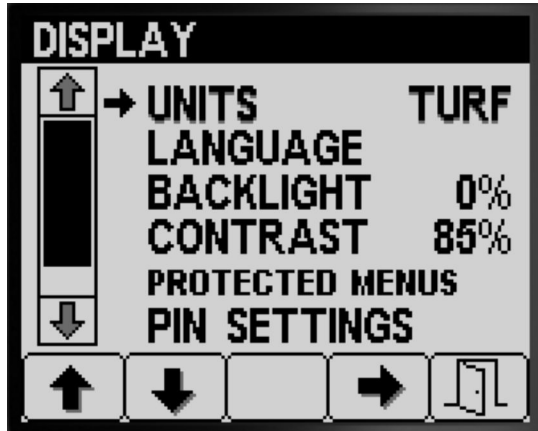


2. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ HIỂN THỊ (Hình 16).

**Lưu ý:** Màn hình này hiển thị và cho phép bạn đặt cài đặt Đơn vị Đo, Ngôn ngữ, Độ sáng nền, Độ tương phản, Bảo vệ Menu, Cài đặt PIN và Tắt âm thanh.

### Đặt Đơn vị Đo

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn ĐƠN VỊ (Hình 17).



Hình 17

g191891

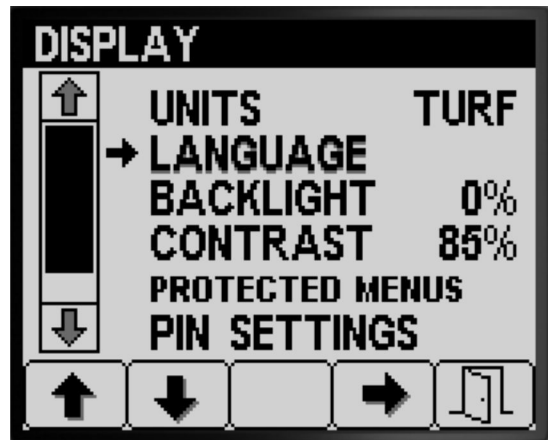
2. Nhấn nút 4 để chuyển giữa TIẾNG ANH, MẶT CỎ và các đơn vị đo SI (Hình 17).
  - **Tiếng Anh:** mph, gallon, mẫu Anh
  - **Mặt cỏ:** mph, gallon, 1000 foot vuông
  - **SI (hệ mét):** kph, lít, hecta

**Lưu ý:** Việc thay đổi cài đặt đơn vị đo sẽ xóa mục thể tích bình và cài đặt Tỷ lệ 1 và Tỷ lệ 2 đặt trước.

3. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình ĐƠN VỊ và quay lại màn hình Cài đặt (Hình 17).

### Cài đặt Ngôn ngữ Hiển thị

1. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn NGÔN NGỮ (Hình 18).



Hình 18

g191895

2. Nhấn nút 4 để chọn mục NGÔN NGỮ (Hình 18).
3. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến ngôn ngữ mà bạn muốn InfoCenter hiển thị (Hình 19).



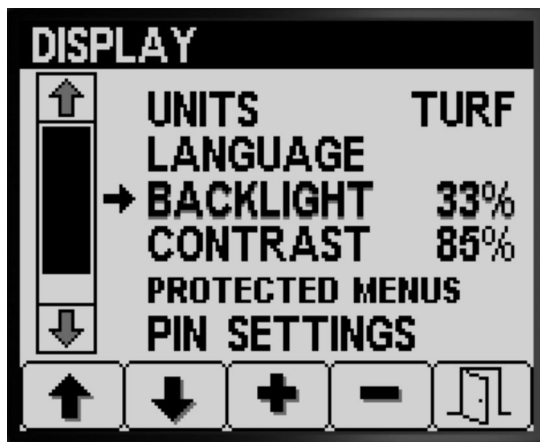
Hình 19

g191892

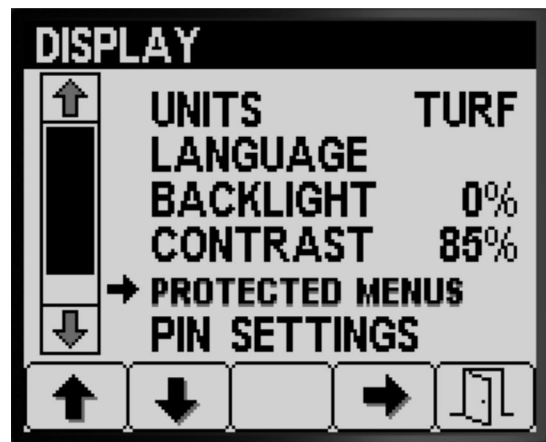
4. Nhấn nút 4 để chọn ngôn ngữ (Hình 19).
5. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình NGÔN NGỮ và quay lại màn hình HIỂN THỊ (Hình 19).

### Đặt Độ sáng nền hoặc Độ tương phản Hiển thị

1. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn ĐÈN NỀN hoặc ĐỘ TƯƠNG PHẢN (Hình 20).

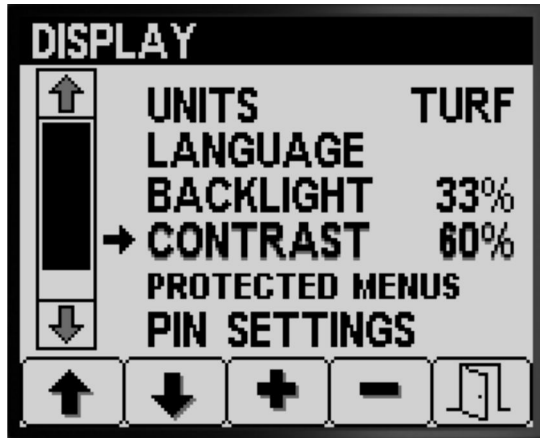


g191898



g191896

Hình 21



g191899

Hình 20

- Nhấn nút 4 để chọn mục ĐỘ SÁNG NỀN hoặc ĐỘ TƯƠNG PHẢN (Hình 20).
- Nhấn các nút 3 hoặc 4 để đặt giá trị độ sáng nền hoặc độ tương phản hiển thị mong muốn (Hình 20).

**Lưu ý:** Cường độ độ sáng nền hoặc độ tương phản thay đổi trên màn hình InfoCenter khi bạn thay đổi giá trị cài đặt.

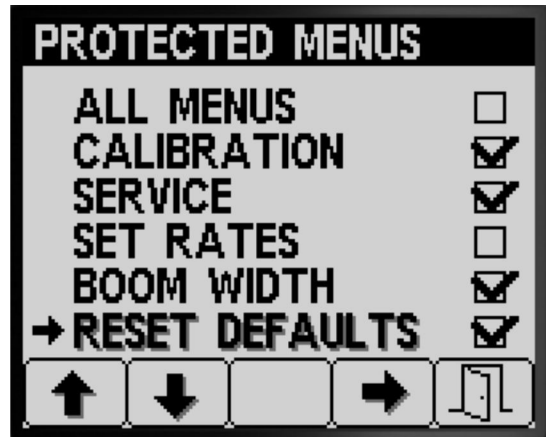
- Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình ĐỘ SÁNG NỀN hoặc ĐỘ TƯƠNG PHẢN và quay lại màn hình CÀI ĐẶT (Hình 20).

## Cài đặt Bảo vệ Menu

**Lưu ý:** Tham khảo [Thay đổi cài đặt PIN—Đánh giá Menu phụ dành cho Cài đặt PIN \(trang 10\)](#) để biết thông tin liên quan.

- Nhấn các nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn MENU ĐƯỢC BẢO VỆ (Hình 21).

- Nhấn nút 4 để chọn mục MENU ĐƯỢC BẢO VỆ (Hình 21).
- Nhấn các nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn menu mà bạn muốn thay đổi bảo vệ bằng mã PIN (Hình 22).



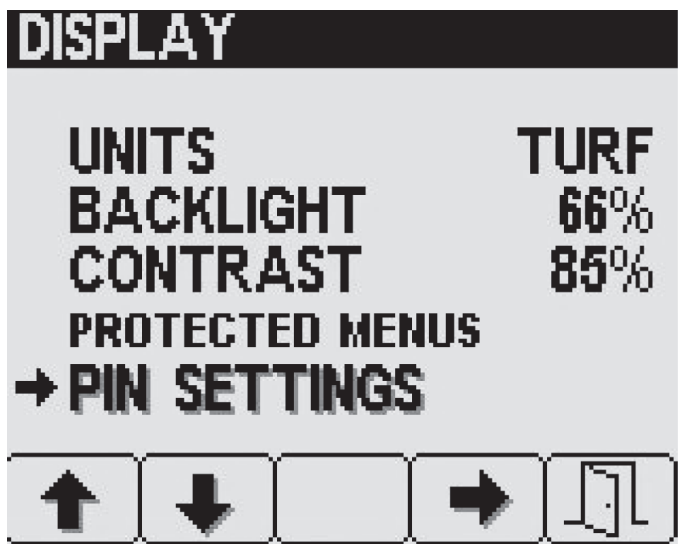
g191893

Hình 22

- Nhấn nút 4 để chọn tùy chọn menu (Hình 22).
- Lặp lại các bước 3 và 4 cho bất kỳ menu nào khác mà bạn muốn thay đổi bảo vệ bằng mã PIN.
- Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình MENU ĐƯỢC BẢO VỆ và quay lại màn hình HIỂN THỊ (Hình 22).

## Thay đổi cài đặt PIN—Đánh giá Menu phụ dành cho Cài đặt PIN

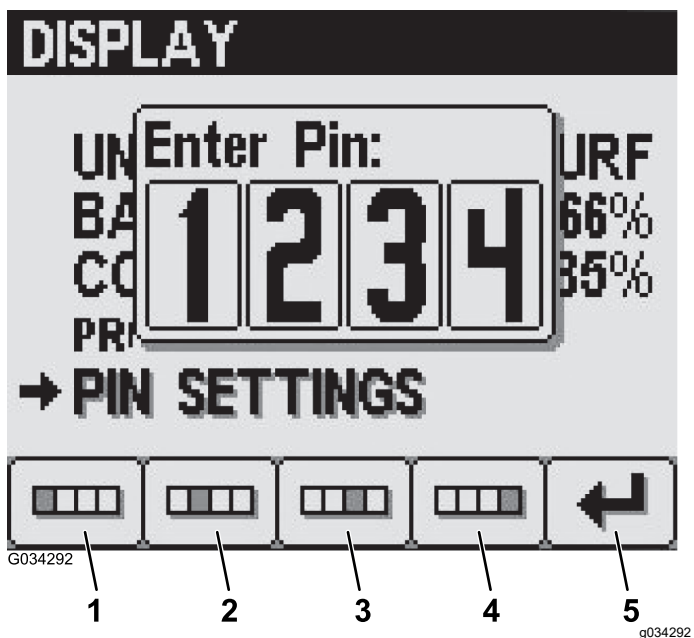
- Nhấn các nút 1 hoặc 2 trên màn hình HIỂN THỊ để điều hướng đến tùy chọn CÀI ĐẶT PIN (Hình 23).



Hình 23

2. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ dành cho CÀI ĐẶT PIN (Hình 23).
3. Nhấn các nút từ 1 đến 4 để nhập mã PIN của bạn. Khi bạn nhập xong mã PIN, nhấn nút 5 (Hình 24).

**Lưu ý:** Mỗi lần bạn nhấn cùng một nút để nhập chữ số PIN, giá trị của số này sẽ tăng lên.

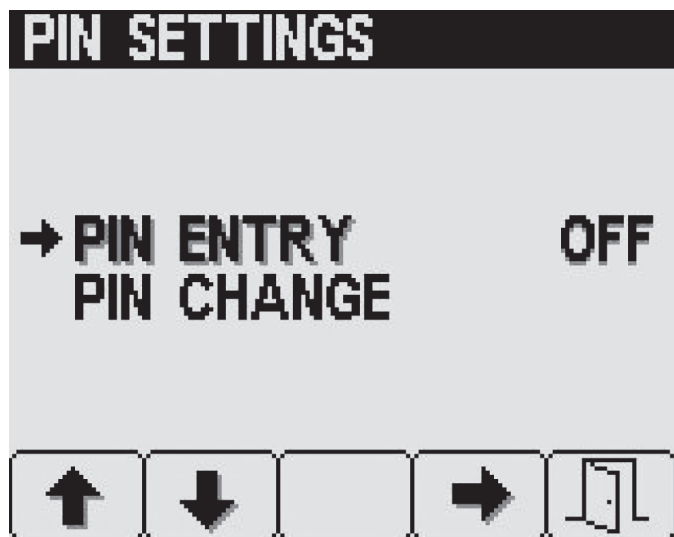


Hình 24

- |             |             |
|-------------|-------------|
| 1. Chữ số 1 | 4. Chữ số 4 |
| 2. Chữ số 2 | 5. Nhập PIN |
| 3. Chữ số 3 |             |

### Thay đổi Cài đặt PIN—Đặt Yêu cầu Nhập PIN

1. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để chọn tùy chọn NHẬP PIN (Hình 25).

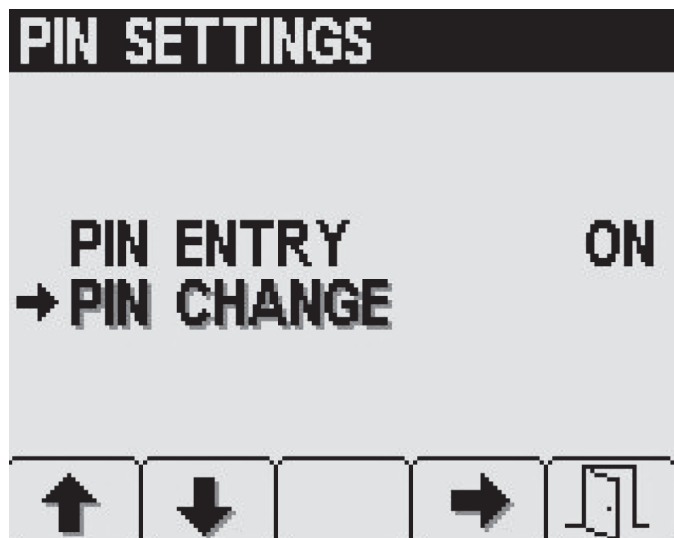


Hình 25

2. Nhấn nút 4 để BẬT hoặc TẮT yêu cầu PIN (Hình 25).
3. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát khỏi màn hình CÀI ĐẶT PIN và quay lại màn hình HIỂN THỊ.

### Thay đổi Cài đặt PIN—Thay đổi Mã PIN

1. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để chọn tùy chọn THAY ĐỔI PIN (Hình 26).



Hình 26

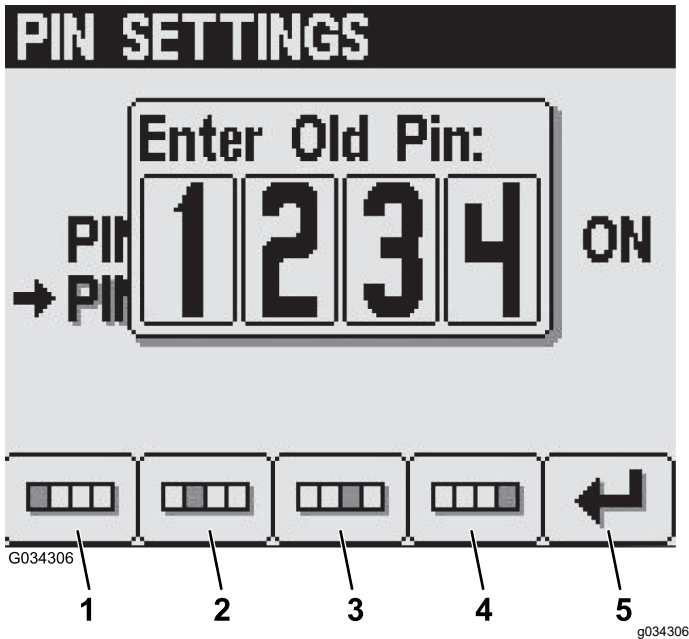
2. Nhấn nút 4 để chọn mục THAY ĐỔI PIN (Hình 26).

3. Nhấn các nút từ 1 đến 4 để nhập mã PIN của bạn. Khi bạn nhập xong mã PIN, nhấn nút 5 (Hình 24).

**Lưu ý:** Mỗi lần bạn nhấn cùng một nút để nhập chữ số PIN, giá trị của số này sẽ tăng lên.

4. Tại màn hình nhập PIN cũ, nhấn các nút từ 1 đến 4 để nhập mã PIN cũ của bạn và nhấn nút 5 khi bạn hoàn thành PIN (Hình 24).

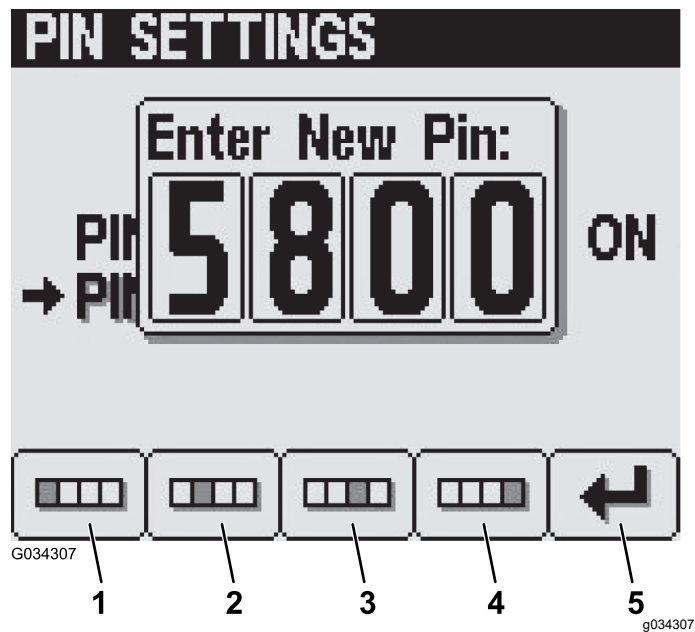
**Lưu ý:** Mã PIN mặc định khi bạn tạo PIN ban đầu là 1234.



Hình 27

1. Chữ số 1
2. Chữ số 2
3. Chữ số 3
4. Chữ số 4
5. Nhập PIN

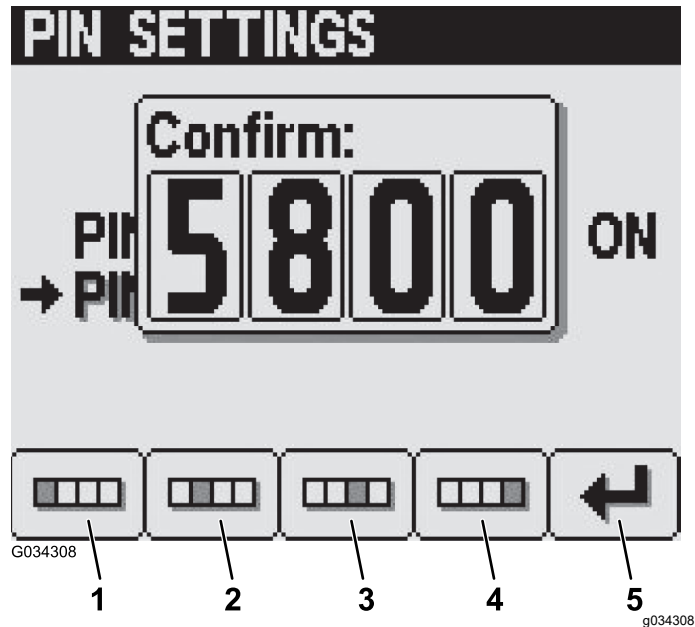
5. Tại màn hình nhập PIN mới, nhấn các nút từ 1 đến 4 để nhập mã PIN mới của bạn. Khi bạn nhập xong mã PIN, nhấn nút 5 (Hình 28).



Hình 28

1. Chữ số 1
2. Chữ số 2
3. Chữ số 3
4. Chữ số 4
5. Nhập PIN

6. Tại màn hình tuân thủ, nhấn các nút từ 1 đến 4 để nhập mã PIN mới của bạn. Khi bạn nhập xong mã PIN, nhấn nút 5 (Hình 29).



Hình 29

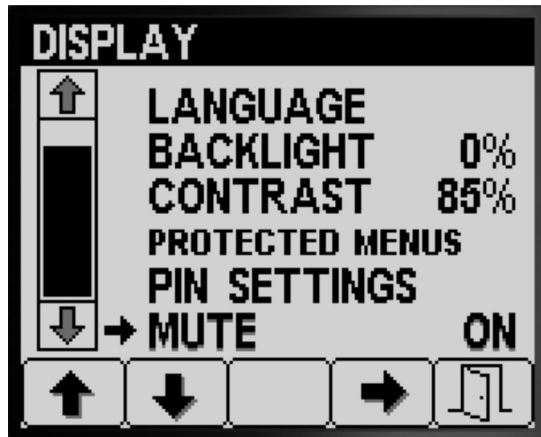
1. Chữ số 1
2. Chữ số 2
3. Chữ số 3
4. Chữ số 4
5. Nhập PIN

**Lưu ý:** Sau khi bạn xác nhận mã pin (Hình 29), màn hình Hiệu chỉnh Pin sẽ xuất hiện trong khoảng 5 giây.

## Tắt tiếng Chỉ số Âm thanh

**Lưu ý:** Việc đặt tắt tiếng chỉ số âm thanh thành Bật sẽ tắt tiếng tín hiệu âm thanh chỉ dành cho InfoCenter—không phải cảnh báo âm thanh dành cho máy.

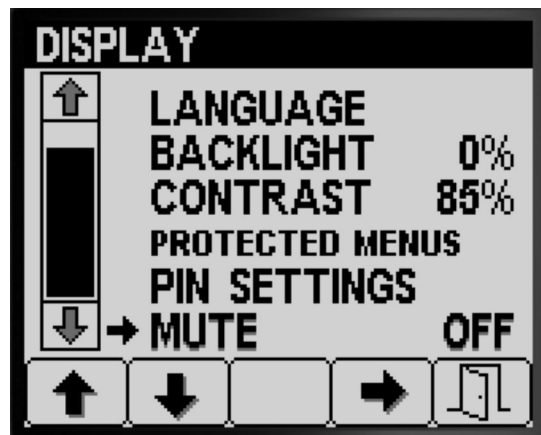
1. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn TẮT TIẾNG (Hình 30).



Hình 30

g191890

2. Nhấn nút 4 để BẬT hoặc TẮT chỉ số âm thanh (Hình 31).



Hình 31

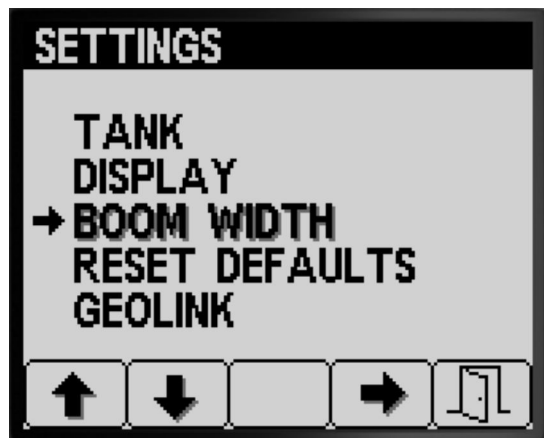
g191889

3. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt, thoát màn hình TẮT TIẾNG và quay lại màn hình CÀI ĐẶT (Hình 31).

## Đặt Độ rộng Giàn

Cài đặt độ rộng giàn được điền trước tại nhà máy sản xuất.

1. Nhấn nút 2 trên màn hình Cài đặt cho đến khi bạn đạt đến tùy chọn ĐỘ RỘNG GIÀN (Hình 32).



Hình 32

g191711

2. Nhấn nút 4 để chọn mục ĐỘ RỘNG GIÀN (Hình 32).
3. Nhấn nút 2 để chọn phân đoạn giàn mà bạn muốn chỉnh sửa độ rộng (Hình 33).



Hình 33

g224287

4. Nhấn nút 3 hoặc nút 4 để hạ hoặc tăng giá trị độ rộng giàn (Hình 33).
5. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt của bạn và thoát khỏi màn hình ĐỘ RỘNG GIÀN và quay lại màn hình CÀI ĐẶT (Hình 33).

## Đặt lại Cài đặt Mặc định

1. Nhấn nút 2 trên màn hình CÀI ĐẶT cho đến khi bạn đạt đến tùy chọn ĐẶT LẠI MẶC ĐỊNH (Hình 34).



Hình 34

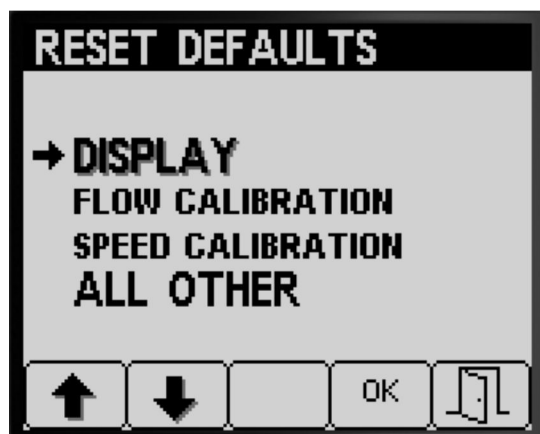
g191706



Hình 36

g191703

2. Nhấn nút 4 để chọn mục ĐẶT LẠI MẶC ĐỊNH (Hình 34).
3. Nhấn nút 1 hoặc 2 để chọn 1 trong các tùy chọn sau mà bạn muốn đặt lại về cài đặt gốc:
  - Màn hình
  - Hiệu chuẩn Dòng chảy
  - Hiệu chuẩn Tốc độ
  - Tất cả những mục khác



Hình 35

g191707

2. Nhấn nút 4 để chọn mục GeoLink (Hình 36).
3. Trên menu GeoLink, nhấn nút 4 để chọn tùy chọn Có hoặc nhấn nút 5 để chọn tùy chọn Không, và nhấn nút 5 để lưu cài đặt của bạn và thoát khỏi menu (Hình 37).

**Lưu ý:** Chỉ bật cài đặt GeoLink nếu bạn đã cài đặt hệ thống GeoLink tùy chọn trên máy.



g191701



Hình 37

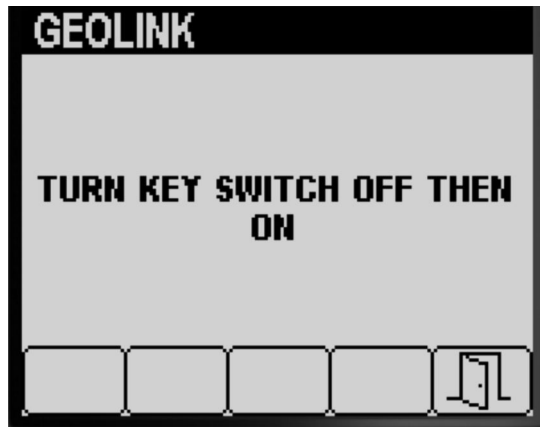
g191700

4. Nhấn nút 4 để đặt lại cài đặt cho tùy chọn đã chọn (Hình 35).
5. Lặp lại các bước 3 và 4 cho các tùy chọn khác mà bạn muốn đặt lại (Hình 35).
6. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt của bạn và thoát khỏi màn hình ĐẶT LẠI MẶC ĐỊNH và quay lại màn hình CÀI ĐẶT (Hình 35).

## Cài đặt Tùy chọn GeoLink

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 trên màn hình CÀI ĐẶT cho đến khi bạn đạt đến tùy chọn GEOLINK (Hình 36).

4. Xoay công tắc khóa điện đến vị trí TẮT rồi đến vị trí BẬT (Hình 37).



Hình 38

g191705

5. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt của bạn và thoát khỏi màn hình GEOLINK và quay lại màn hình CÀI ĐẶT (Hình 38).

## Hiệu chuẩn Máy phun tưới Chế độ Tỷ lệ Ứng dụng

**Lưu ý:** Để hiệu chuẩn máy phun tưới cho hoạt động ở chế độ thủ công, hãy tham khảo van rẽ nhánh phân đoạn trong *Hướng dẫn Vận hành* máy.

- Đảm bảo bình phun tưới sạch sẽ; tham khảo Làm sạch Hệ thống Máy phun trong *Hướng dẫn Vận hành*.
- Để truy cập màn hình Hiệu chuẩn, nhấn các nút 1 hoặc 2 trên màn hình MENU CHÍNH để điều hướng đến tùy chọn HIỆU CHUẨN (Hình 39).



Hình 39

g192024

3. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ Hiệu chuẩn (Hình 39).

**Lưu ý:** Màn hình này hiển thị và cho phép bạn hiệu chuẩn dữ liệu đầu vào đồng hồ đo lưu lượng, hiệu chuẩn dữ liệu đầu vào cảm biến tốc độ, thực hiện kiểm tra tốc độ và nhập dữ liệu tính toán theo cách thủ công.

## Hiệu chuẩn Dòng chảy

**Thiết bị do khách hàng cung cấp:** Sử dụng bình hứng có chia vạch cho tốc độ dòng chảy mắt phun như sau:

- 1,5 Lpm (0,4 gpm) trở xuống - nên ưu tiên sử dụng bình chứa có chia vạch theo gia số 10 ml (1/2 oz).
- 1,9 Lpm (0,5 gpm) trở lên - bình chứa có chia vạch theo gia số 20 ml (1 oz).

**Quan trọng:** Bạn phải thực hiện hiệu chuẩn dòng chảy cho 3 phân đoạn máy phun tưới mỗi khi bạn thay tất cả các mắt phun, chuyển sang vị trí phun (xuống) đang hoạt động hoặc sau khi thay đồng hồ đo lưu lượng. Bạn nên thực hiện hiệu chuẩn dòng chảy cho 3 phân đoạn máy phun tưới nếu bạn thay một số mắt phun bị mòn.

**Lưu ý:** Việc thực hiện kết quả kiểm tra hứng không chính xác dẫn đến hiệu chuẩn dòng chảy không chính xác. Kết quả của những điểm không chính xác này khiến hệ thống máy phun tưới sử dụng quá nhiều hoặc quá ít hóa chất của máy phun.

## Đánh giá Loại Hiệu chuẩn Dòng chảy Nào cần Thực hiện

Sử dụng Bảng Phân đoạn Máy phun để giúp xác định cách bạn thường phun cổ bằng máy và cần thực hiện hiệu chuẩn dòng chảy nào.

**Lưu ý:** Bạn có thể thực hiện kết hợp tối đa 3 loại hiệu chuẩn dòng chảy.

### Bảng Phân đoạn Máy phun

|   | Thực hiện hiệu chuẩn 3 giàn |       |
|---|-----------------------------|-------|
| 3 phân đoạn máy phun                            | Có                          |       |
| <b>Tối cũng phun bằng 2 phân đoạn máy phun:</b> |                             |       |
| Phân đoạn Trái và Trung tâm (HOẶC)              | Có                          | Không |
| Phân đoạn Phải và Trung tâm (HOẶC)              | Có                          | Không |
| Phân đoạn Phải và Trái                          | Có                          | Không |

## Bảng Phân đoạn Máy phun (cont'd.)

| Tôi cũng phun bằng 1 phân đoạn máy phun:    | Thực hiện Hiệu chuẩn 1 Giàn |       |
|---|-----------------------------|-------|
| Chỉ cho phân đoạn máy phun bên trái (HOẶC)  | Có                          | Không |
| Chỉ cho phân đoạn máy phun trung tâm (HOẶC) | Có                          | Không |
| Chỉ cho phân đoạn máy phun bên phải         | Có                          | Không |

**Hiệu chuẩn 3 giàn:** Luôn thực hiện hiệu chuẩn cho 3 phân đoạn máy phun khi bạn thay mắt phun để tăng hoặc giảm phạm vi tỷ lệ ứng dụng.

**Lưu ý:** Nếu bạn không thực hiện hiệu chuẩn 2 giàn hoặc 1 giàn tùy chọn, máy phun sẽ sử dụng các phép tính từ hiệu chuẩn 3 giàn trong tất cả các kết hợp phân đoạn của máy phun.

**Hiệu chuẩn 2 giàn tùy chọn:** Hiệu chuẩn phân đoạn bên trái và trung tâm của máy phun hoặc phân đoạn bên phải và trung tâm của máy phun hoặc phân đoạn bên trái và bên phải nếu bạn thường phun bằng các kết hợp phân đoạn đó. Thực hiện hiệu chuẩn tùy chọn này sau khi thực hiện hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun.

**Lưu ý:** Hiệu chuẩn mà bạn thực hiện cho hai phân đoạn máy phun được sử dụng bất cứ khi nào bạn phun bằng **bất kỳ** kết hợp 2 phân đoạn máy phun.

**Lưu ý:** Bạn chỉ có thể hiệu chuẩn 1 cặp phân đoạn máy phun để hiệu chuẩn 2 giàn. Hiệu chuẩn từ cặp phân đoạn máy phun mà bạn sử dụng nhiều nhất. Hệ thống máy phun sử dụng phép tính 2 giàn khi bạn phun kết hợp phân đoạn bên trái và trung tâm hoặc bên phải và trung tâm.

**Hiệu chuẩn 1 giàn tùy chọn:** Hiệu chuẩn phân đoạn máy phun bên trái hoặc trung tâm hoặc bên phải nếu bạn thường phun bằng 1 phân đoạn máy phun. Thực hiện hiệu chuẩn tùy chọn này sau khi thực hiện hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun và hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun.

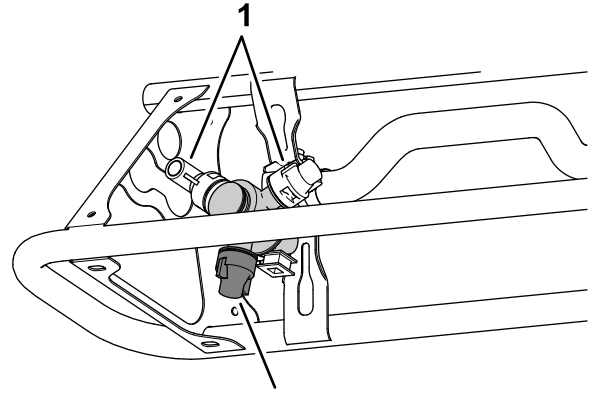
**Lưu ý:** Bạn chỉ có thể hiệu chuẩn 1 trong 3 phân đoạn máy phun đối với hiệu chuẩn 1 giàn. Hiệu chuẩn từ phân đoạn máy phun mà bạn sử dụng nhiều nhất. Hệ thống máy phun sử dụng hiệu chuẩn 1 giàn khi bạn phun bằng phân đoạn bên trái, trung tâm hoặc bên phải.

## Chuẩn bị Kiểm tra Dòng chảy

- Đảm bảo các mắt phun mà bạn định sử dụng ở vị trí phun tưới (xuống) đang hoạt động (Hình 40).

**Quan trọng:** Tất cả các mắt phun ở vị trí đang hoạt động phải có cùng màu sắc.

**Lưu ý:** Để đạt được kết quả tốt nhất, các mắt phun ở vị trí đang hoạt động phải bị mài mòn xấp xỉ như nhau.

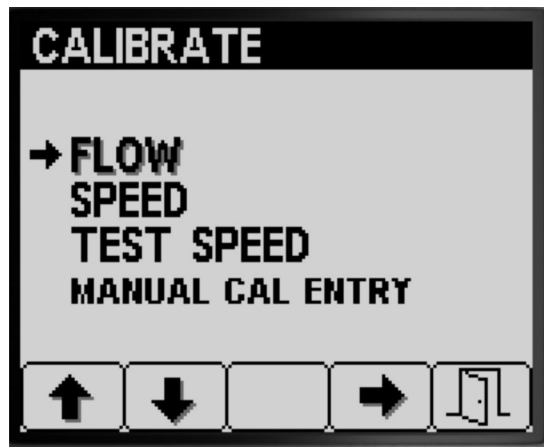


Hình 40

g192604

- Vị trí mắt phun dự trữ
- Vị trí phun đang hoạt động

- Nhấn các nút 1 hoặc 2 trên menu phụ HIỆU CHUẨN để điều hướng đến tùy chọn DÒNG CHẢY (Hình 41).



Hình 41

g192583

- Nhấn nút 4 để chọn tùy chọn hiệu chuẩn dòng chảy (Hình 41).
- Đổ đầy một nửa bình phun tưới—600 L hoặc 150 US gal nước (Hình 42).

**Lưu ý:** Bạn có thể hủy hiệu chuẩn dòng chảy bằng cách nhấn nút 5. Thông báo hiển thị xác nhận bạn đã hủy hiệu chuẩn dòng chảy.

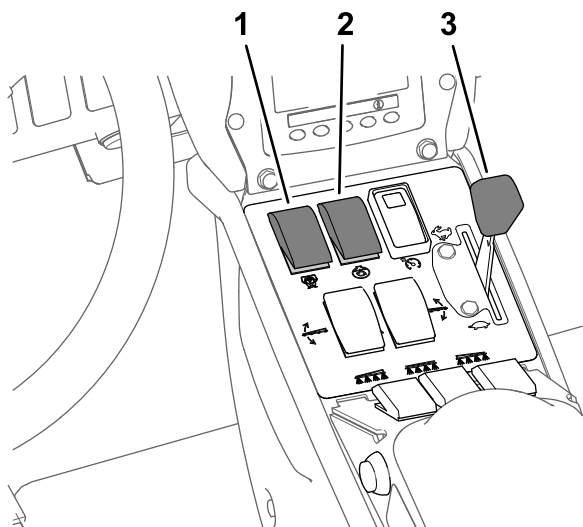




Hình 42

g192582

5. Bật phanh đỗ (Hình 42).
6. Khởi động động cơ và hạ các phân đoạn bên ngoài.
7. Đặt công tắc máy bơm ở vị trí BẬT (Hình 43).



Hình 43

g192636

1. Công tắc bơm phun tưới      3. Van tiết lưu
2. Công tắc khuấy trộn

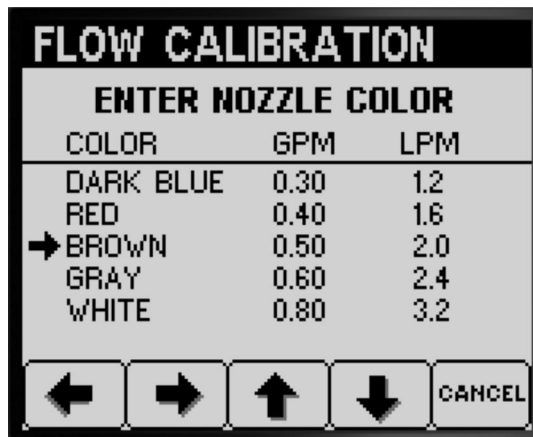
8. Di chuyển van tiết lưu đến vị trí NHANH (Hình 43) và để động cơ chạy trong 10 phút.

**Quan trọng:** Bạn phải đưa hệ thống thủy lực về nhiệt độ vận hành trước khi tiến hành các bước hiệu chuẩn dòng chảy còn lại.

### Chuẩn bị Kiểm tra Hứng

1. Nhấn nút 2 để chuyển sang bước tiếp theo (Hình 42).
2. Nhấn các nút 3 hoặc 4 để chọn mắt phun được lắp ở vị trí phun đang hoạt động như sau:

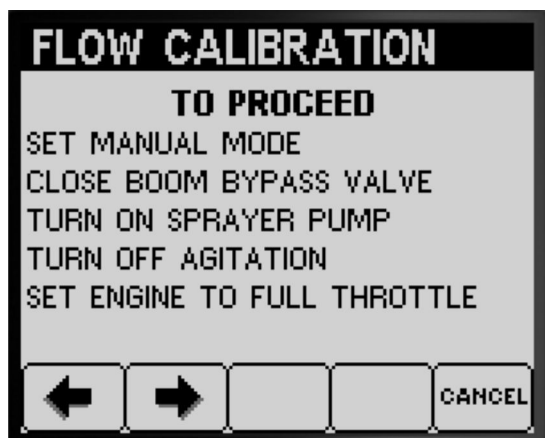
- Đối với máy có màu sắc mắt phun phù hợp với tỷ lệ lưu lượng được mô tả trong Hình 44, hãy chọn màu sắc mắt phun được lắp ở vị trí phun đang hoạt động.
- Đối với máy có màu sắc mắt phun **không khớp** với tỷ lệ lưu lượng được mô tả trong Hình 44, hãy chọn tỷ lệ lưu lượng (gpm hoặc lpm) của mắt phun được lắp đặt ở vị trí phun đang hoạt động.



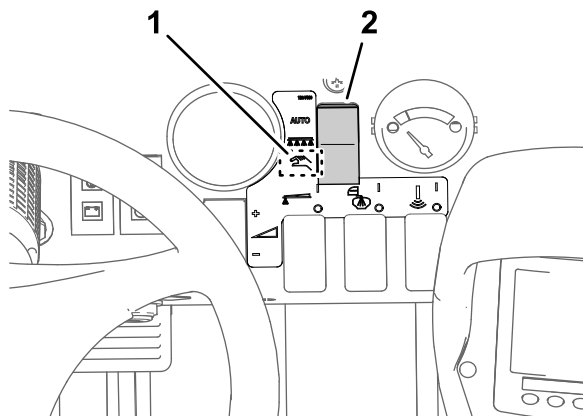
Hình 44

g192605

3. Nhấn nút 2 để chuyển sang bước tiếp theo (Hình 44).
4. Đặt công tắc chế độ máy phun sang vị trí thủ công (Hình 45).



g192606

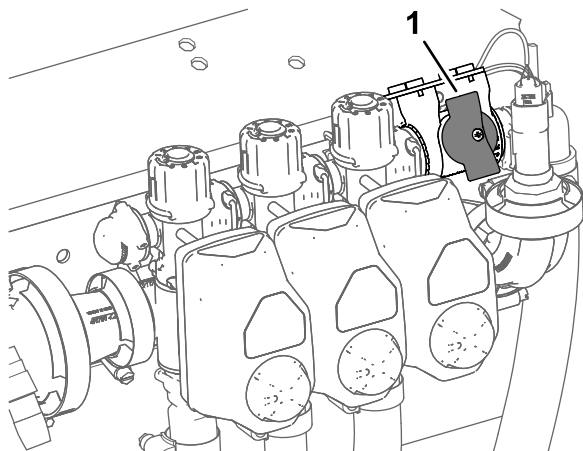


g192608

Hình 45

1. Vị trí chế độ thủ công
2. Công tắc chế độ phun tưới

5. Xoay núm của van ngắt rẽ nhánh từng phân đoạn sang vị trí đóng (Hình 45).



g192607

Hình 46

1. Van ngắt rẽ nhánh từng phân đoạn (vị trí đóng)

6. Đặt công tắc khuấy trộn ở vị trí TẮT và đặt van tiết lưu ở vị trí NHANH (Hình 43).
7. Nhấn nút 2 để chuyển sang bước tiếp theo (Hình 45).

## Chuẩn bị (các) Phân đoạn Máy phun cho Kiểm tra Hứng

1. Đặt công tắc phân đoạn máy phun như sau:

**Lưu ý:** Tham khảo [Chuẩn bị Kiểm tra Dòng chảy \(trang 16\)](#).

- Chọn công tắc phân đoạn bên trái, trung tâm và bên phải để **hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun**.

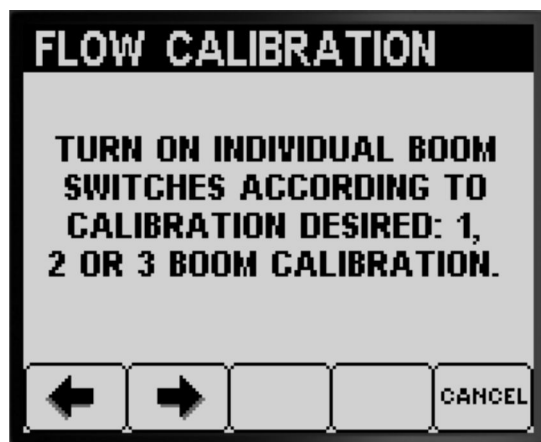
**Quan trọng:** Bạn phải thực hiện hiệu chuẩn này.

- Chọn công tắc 2 phân đoạn máy phun cho các phân đoạn máy phun mà bạn đã xác định ở [Đánh giá Loại Hiệu chuẩn Dòng chảy Nào cần Thực hiện \(trang 15\)](#) để hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun.

**Lưu ý:** Thực hiện hiệu chuẩn tùy chọn này sau khi thực hiện hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun.

- Chọn công tắc phân đoạn bên trái hoặc trung tâm hoặc bên phải của phân đoạn máy phun mà bạn đã xác định ở [Đánh giá Loại Hiệu chuẩn Dòng chảy Nào cần Thực hiện \(trang 15\)](#) để hiệu chuẩn 1 phân đoạn máy phun

**Lưu ý:** Thực hiện hiệu chuẩn tùy chọn này sau khi thực hiện hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun và hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun.

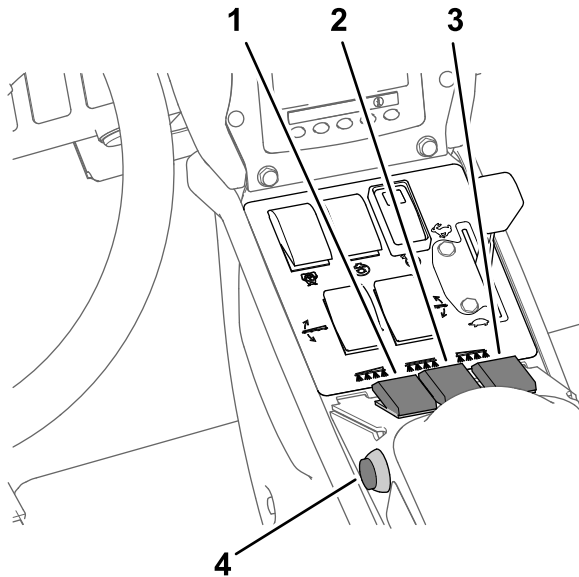


g192867



g192945

Hình 48



g192944

Hình 47

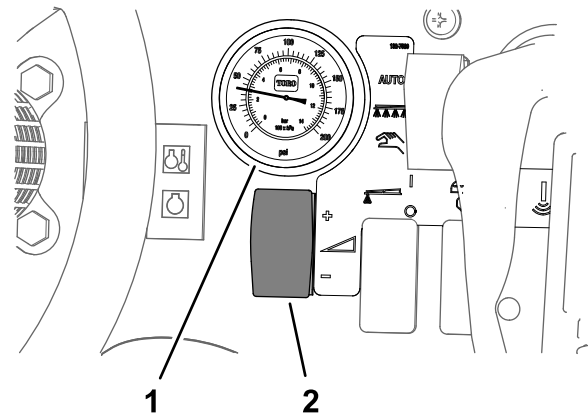
- |                                      |                                     |
|--------------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Công tắc phân đoạn phun bên trái  | 3. Công tắc phân đoạn phun bên phải |
| 2. Công tắc phân đoạn phun trung tâm | 4. Công tắc phân đoạn chính         |

- Nhấn nút 2 để chuyển sang bước tiếp theo (Hình 47).
- Tại màn hình Lặp lại Kiểm tra Tiếp theo, nhấn nút 2 để bắt đầu kiểm tra hững của phân đoạn máy phun (Hình 48).

### Thực hiện Kiểm tra Hững của pPhân đoạn Máy phun

**Lưu ý:** Chuẩn bị bình hững có chia vạch.

- Đặt công tắc phân đoạn chính sang vị trí BẬT (Hình 47).
- Sử dụng công tắc tỷ lệ ứng dụng để điều chỉnh áp suất hệ thống máy phun tưới đến khoảng 276 kPa (40 psi); tham khảo Hình 49.



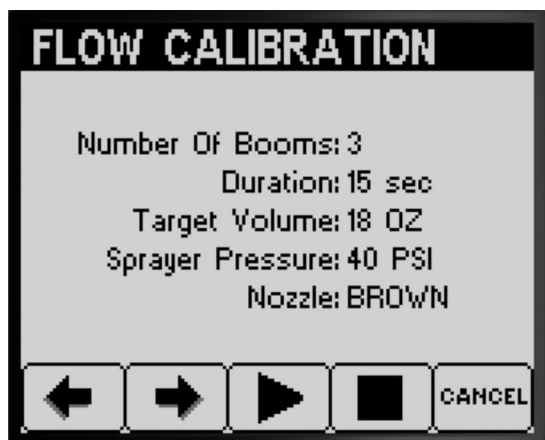
g192699

Hình 49

- Áp suất kế (hệ thống máy 2. Công tắc tỷ lệ ứng dụng phun)

- Đặt công tắc phân đoạn chính sang vị trí TẮT (Hình 47).
- Tại màn hình phát lại kiểm tra hững, hãy xác nhận số lượng giàn, màu sắc mắt phun, và nhấn nút 3 để bắt đầu kiểm tra hững (Hình 50).

**Lưu ý:** Bạn có 14 giây để di chuyển ra phía sau máy và đặt bình hững có chia vạch dưới mắt phun trong thời gian kiểm tra hững.

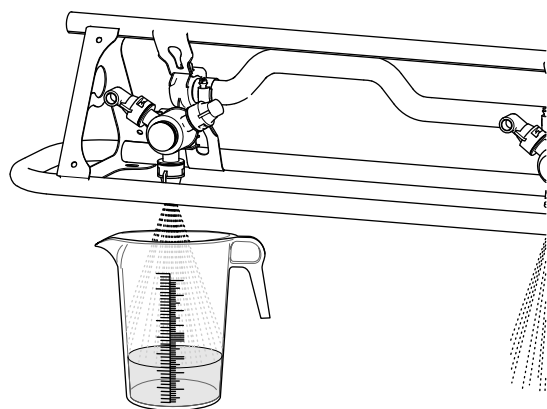


Hình 50

g192976

**Lưu ý:** Hệ thống máy phun tự động mở van phân đoạn, tắt phun trong giai đoạn kiểm tra hững, và hệ thống máy phun tự động tắt van phân đoạn.

- Hững nước từ mắt phun cho đến khi dòng chảy của máy phun tắt (Hình 51).



Hình 51

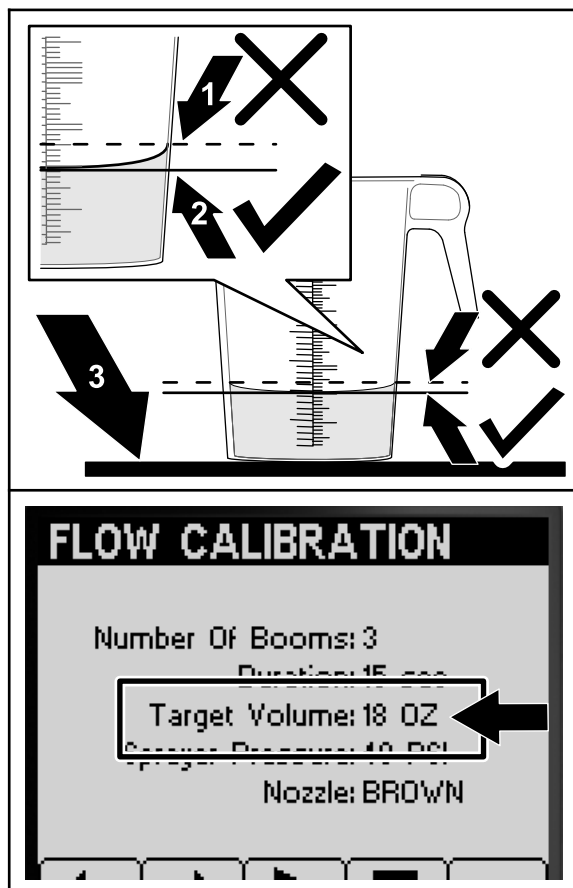
g193177

- Đặt bình có chia vạch ở trên bề mặt bằng phẳng và ghi lại thể tích chất lỏng (Hình 52).

**Quan trọng:** Khi bạn đang đọc bình có chia vạch, bạn phải đặt bình ở trên bề mặt bằng phẳng.

**Quan trọng:** Khi bạn đang đọc bình có chia vạch, hãy đọc thể tích chất lỏng trong bình có chia vạch tại điểm thấp nhất của đường cong bề mặt chất lỏng.

**Quan trọng:** Các lỗi nhỏ hiển thị thể tích chất lỏng trong bình có chia vạch ảnh hưởng đáng kể đến độ chính xác khi hiệu chuẩn máy phun.



Hình 52

g193416

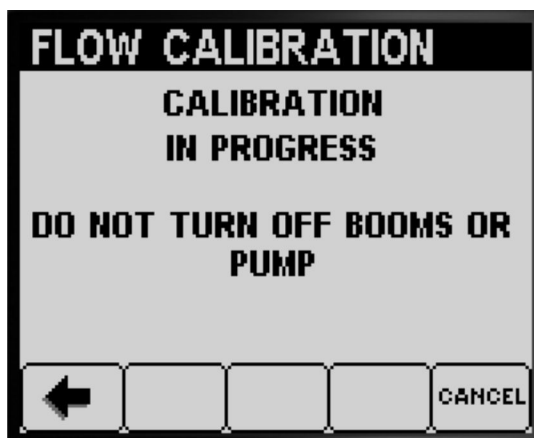
- Điểm cao nhất của đường cong bề mặt chất lỏng (không đo ở đây)
- Điểm thấp nhất của đường cong bề mặt chất lỏng (đo ở đây)
- Bề mặt bằng phẳng

- So sánh thể tích chất lỏng trong bình hứng có chia vạch với Thể tích Mục tiêu được hiển thị trên màn hình InfoCenter (Hình 52).

**Lưu ý:** Bạn cần thể tích chất lỏng trong bình hứng có chia vạch  $\pm 7,4$  ml (1/4 fl oz) Thể tích Mục tiêu được hiển thị trên màn hình InfoCenter.

- Nếu mức chất lỏng trong bình hứng có chia vạch cao hơn 7,4 ml (1/4 fl oz) so với thể tích mục tiêu hoặc ít hơn 7,4 ml (1/4 fl oz) so với thể tích mục tiêu, hãy thực hiện 1 trong các bước sau:
  - Nếu thể tích chất lỏng trong bình hứng có chia vạch là  $\pm 7,4$  ml (1/4 fl oz) Thể tích Mục tiêu được hiển thị trên màn hình InfoCenter, hãy nhấn nút 2.

- Nếu thể tích quá thấp, hãy sử dụng công tắc tỷ lệ ứng dụng để tăng áp suất hệ thống máy phun và chuyển sang bước tiếp theo.
  - Nếu thể tích quá cao, hãy sử dụng công tắc tỷ lệ ứng dụng để giảm áp suất hệ thống máy phun và chuyển sang bước tiếp theo.
9. Lặp lại các bước 4 đến 8 cho đến khi thể tích chất lỏng trong bình chứa hứng có chia vạch  $\pm 7,4$  ml (1/4 fl oz) Thể tích Mục tiêu được hiển thị trên màn hình InfoCenter.
  10. Nhấn nút 2 để chuyển sang **Thực hiện Phép tính Hiệu chuẩn** (trang 21).



Hình 54

g192852

### Thực hiện Phép tính Hiệu chuẩn

1. Đặt công tắc phân đoạn chính sang vị trí BẬT (Hình 53).

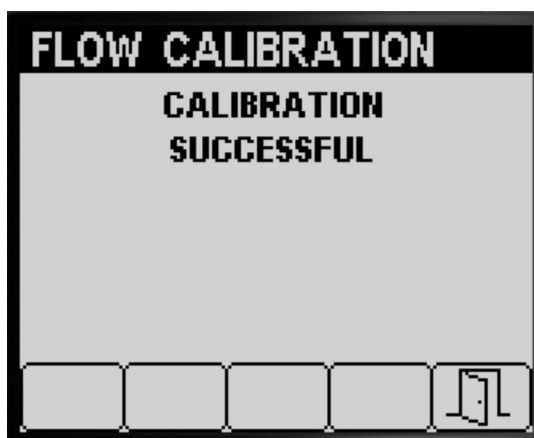


Hình 53

g192853

Khi quá trình hiệu chuẩn kết thúc, 1 trong các thông báo sau sẽ được hiển thị:

- Thông báo hiển thị xác nhận hiệu chuẩn dòng chảy đã thành công (Hình 55).



Hình 55

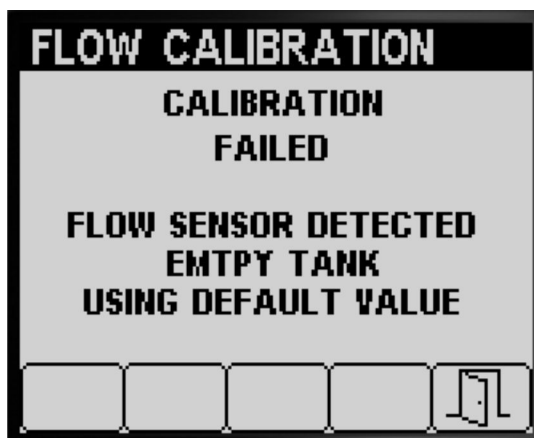
g192866

2. Nhấn nút 2 để tiến đến bắt đầu phép tính hiệu chuẩn (Hình 53).

**Lưu ý:** InfoCenter hiển thị hiệu chuẩn trong màn hình quy trình (Hình 54).

**Lưu ý:** Các phân đoạn máy phun sẽ phun hết trong 3 phút khi máy đang tính toán chỉnh sửa hiệu chuẩn.

- Thông báo hiển thị cho biết hiệu chuẩn dòng chảy đã thất bại (Hình 56).



Hình 56

g192865

Nếu giá trị hiệu chuẩn nằm ngoài giới hạn (Hình 57), hãy liên hệ với đại lý dịch vụ được ủy quyền của Toro; nếu không, hãy xem lại thông báo lỗi và lặp lại các bước hiệu chuẩn ở Chuẩn bị Kiểm tra Hứng (trang 17), Thực hiện Kiểm tra Hứng của pPhân đoạn Máy phun (trang 19) và Thực hiện Phép tính Hiệu chuẩn (trang 21).



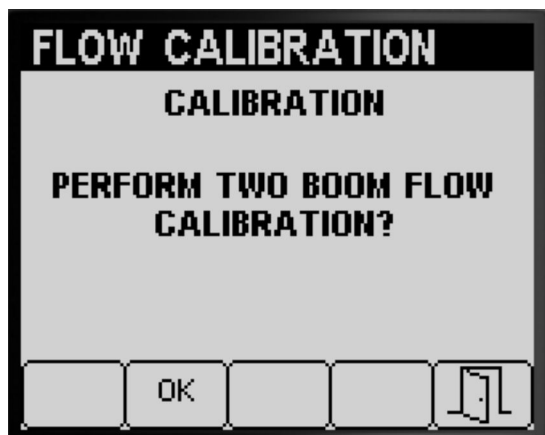
Hình 57

g192864

3. Nhấn nút 5 để thoát khỏi màn hình Hiệu chuẩn Tốc độ (Hình 55, Hình 56 và Hình 57).
4. Di chuyển van tiết lưu đến vị trí CHẠY RỖI, tắt động cơ và rút chìa khóa điện.

### Thực hiện Hiệu chuẩn 2 Phân đoạn Máy phun

Nếu bạn đã hoàn thành hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun, Infocenter sẽ nhắc bạn hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun (Hình 58), hãy thực hiện 1 trong các bước sau:



Hình 58

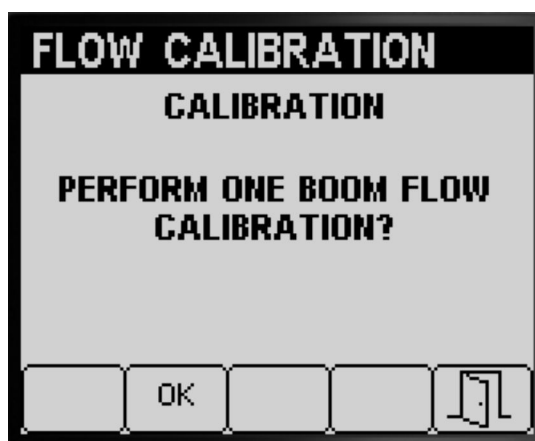
g192943

- Nếu bạn không cần thực hiện hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun, hãy nhấn nút 5 để quay lại màn hình Hiệu chuẩn (Hình 58).
- Nhấn nút 2 để tiến hành các bước hiệu chuẩn ở Chuẩn bị (các) Phân đoạn Máy phun cho Kiểm tra Hứng (trang 18).

**Lưu ý:** Bạn sẽ chỉ đặt các công tắc phân đoạn máy phun (Hình 38) sang vị trí BẬT mà bạn đã xác định để hiệu chuẩn ở Đánh giá Loại Hiệu chuẩn Dòng chảy Nào cần Thực hiện (trang 15).

### Thực hiện Hiệu chuẩn 1 Phân đoạn Máy phun

Nếu bạn đã hoàn thành hiệu chuẩn 3 phân đoạn máy phun và hiệu chuẩn 2 phân đoạn máy phun, Infocenter sẽ nhắc bạn hiệu chuẩn 1 phân đoạn máy phun (Hình 59), hãy thực hiện 1 trong các bước sau:



Hình 59

g192942

- Nếu bạn không cần thực hiện hiệu chuẩn 1 phân đoạn máy phun, hãy nhấn nút 5 để quay lại màn hình Hiệu chuẩn (Hình 59).
- Nhấn nút 2 để tiến hành các bước hiệu chuẩn ở Chuẩn bị (các) Phân đoạn Máy phun cho Kiểm tra Hứng (trang 18).

**Lưu ý:** Bạn sẽ chỉ đặt công tắc phân đoạn máy phun (Hình 38) sang vị trí BẬT mà bạn đã xác định để hiệu chuẩn ở Đánh giá Loại Hiệu chuẩn Dòng chảy Nào cần Thực hiện (trang 15).

## Hiệu chuẩn Tốc độ

### Chuẩn bị Hiệu chuẩn Tốc độ

1. Nhấn các nút 1 hoặc 2 trên menu phụ HIỆU CHUẨN để điều hướng đến tùy chọn TỐC ĐỘ (Hình 60).



Hình 60

g192290



Hình 62

g192423

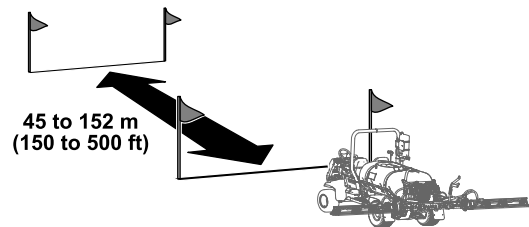
2. Nhấn nút 4 để chọn tùy chọn hiệu chuẩn Tốc độ (Hình 60).
3. Đổ đầy một nửa bình phun tưới—600 L hoặc 150 US gal nước (Hình 61).



Hình 61

g192303

4. Nhấn nút 2 để chuyển sang bước tiếp theo (Hình 61).
5. Đánh dấu vạch bắt đầu trên khu vực sân cỏ kiểm tra (Hình 63).



Hình 63

g192333

6. Sử dụng bánh xe đo, đánh dấu khoảng cách từ 45 đến 152 m (150 đến 500 ft); ghi lại khoảng cách mà bạn đã đo ở bên dưới (Hình 64).



Hình 64

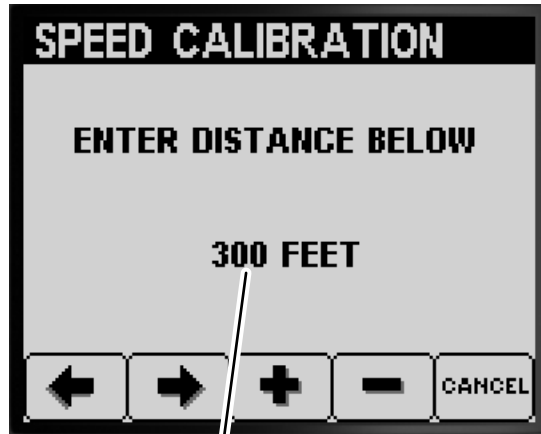
g192349

**Lưu ý:** Bạn có thể hủy hiệu chuẩn tốc độ bằng cách nhấn nút 5, Thông báo hiển thị xác nhận bạn đã hủy hiệu chuẩn tốc độ.

**Lưu ý:** Khoảng cách kiểm tra từ 92 đến 152 m (300 đến 500 ft) tạo ra kết quả hiệu chuẩn tốt hơn.

Giá trị khoảng cách đã nhập: \_\_\_\_\_

7. Đánh dấu vạch kết thúc trên khu vực sân cỏ kiểm tra (Hình 33).
8. Nhấn nút 2 để chuyển sang bước tiếp theo (Hình 64).
9. Nhập Sử dụng các nút 3 hoặc 4 để thay đổi giá trị khoảng cách đã nhập vào InfoCenter và nhấn nút 2 (Hình 65).

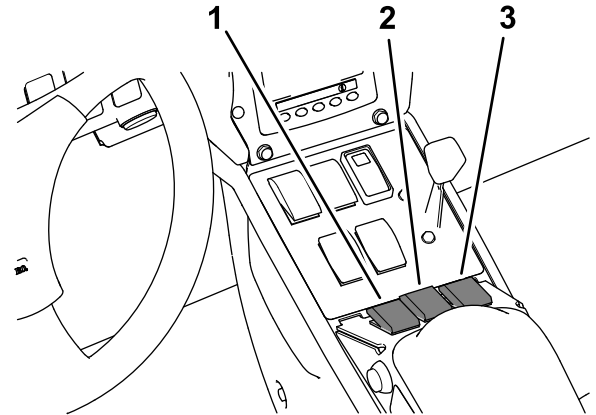


Hình 65

1. Giá trị khoảng cách đã nhập



g192356



g192354

Hình 66

1. Công tắc phân đoạn bên trái
2. Công tắc phân đoạn trung tâm
3. Công tắc phân đoạn bên phải

### Thực hiện Hiệu chuẩn Tốc độ

1. Di chuyển máy để căn chỉnh lớp trước trên vạch bắt đầu.
2. Tại bảng điều khiển trung tâm của máy, đảm bảo các công tắc cho 3 van phân đoạn ở vị trí TẮT.

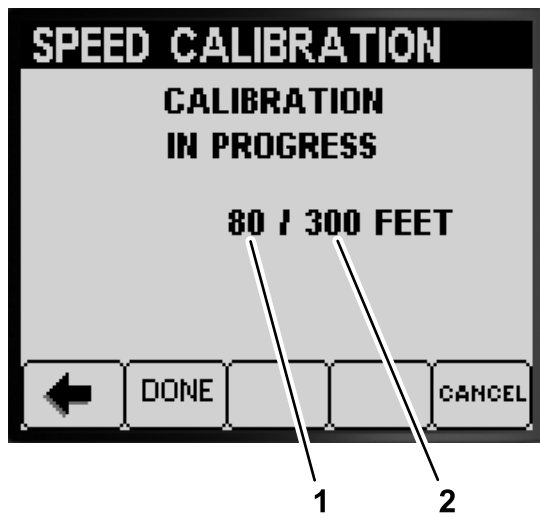
3. Nhấn nút 2 trên InfoCenter và lái xe đến vạch kết thúc (Hình 66 và Hình 63).

**Lưu ý:** Giá trị khoảng cách đã đo sẽ tăng lên.

4. Nhấn nút 2 (XONG) khi lớp trước của máy ở trên vạch kết thúc (Hình 67).

**Lưu ý:** Nếu giá trị khoảng cách đã đo và giá trị khoảng cách đã nhập không khớp, máy tính của hệ thống máy phun sẽ tự động chỉnh sửa giá trị khoảng cách đã đo.



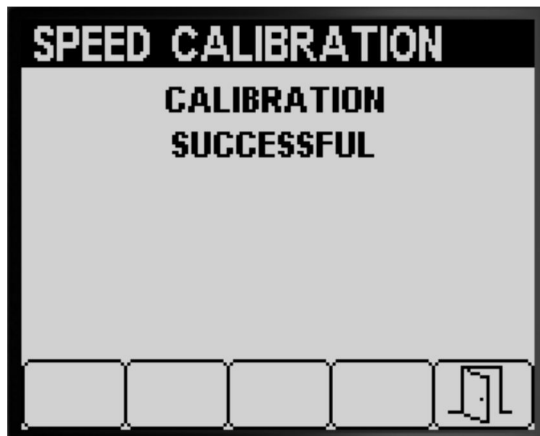


Hình 67

g192380

1. Giá trị khoảng cách đã đo
2. Giá trị khoảng cách đã nhập

- Thông báo hiển thị xác nhận hiệu chuẩn tốc độ đã thành công (Hình 68).



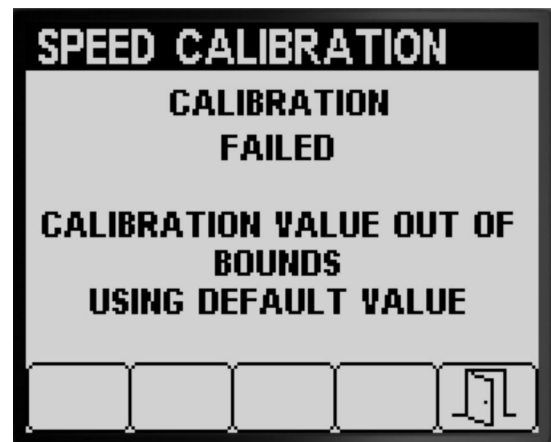
Hình 68

g192425

- Thông báo hiển thị cho biết hiệu chuẩn tốc độ đã thất bại (Hình 69).

**Lưu ý:** Nhấn nút 5 để thoát khỏi màn hình Hiệu chuẩn Tốc độ.

**Lưu ý:** Nếu giá trị hiệu chuẩn nằm ngoài giới hạn (Hình 69), hãy liên hệ với đại lý dịch vụ được ủy quyền của Toro; nếu không, hãy xem lại thông báo lỗi và lặp lại các bước hiệu chuẩn ở Chuẩn bị Hiệu chuẩn Tốc độ (trang 22) và Thực hiện Hiệu chuẩn Tốc độ (trang 24).



Hình 69

g192424

5. Nhấn nút 5 để thoát khỏi màn hình Hiệu chuẩn Tốc độ (Hình 68 hoặc Hình 69).
6. Di chuyển van tiết lưu đến vị trí CHẠM, tắt động cơ, bật phanh đỗ và rút chìa khóa điện.

## Tốc độ Kiểm tra

Sử dụng tính năng tốc độ kiểm tra để mô phỏng tín hiệu tốc độ trên mặt đất cho hoạt động của máy phun cố định đối với kiểm tra sau:

- Đặt các van rẽ nhánh phân đoạn (chế độ thủ công), tham khảo *Hướng dẫn Vận hành máy*.
- Xác minh kiểm tra hứng cho các máy hoạt động ở chế độ tỷ lệ ứng dụng.

**Lưu ý:** Nếu bạn nhả phanh đỗ hoặc di chuyển máy trong khi sử dụng mô phỏng kiểm tra tốc độ, InfoCenter sẽ thoát khỏi mô phỏng.

## Sử dụng Tốc độ Kiểm tra

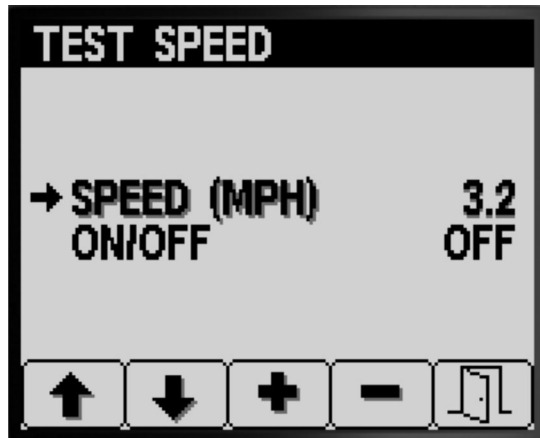
1. Nhấn các nút 1 hoặc 2 trên menu phụ HIỆU CHUẨN để điều hướng đến tùy chọn TỐC ĐỘ KIỂM TRA (Hình 70).



Hình 70

g193668

2. Nhấn nút 4 để chọn tùy chọn hiệu chuẩn TỐC ĐỘ (Hình 70).
3. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để điều hướng đến tùy chọn TỐC ĐỘ (Hình 71).



Hình 71

g193671

4. Nhấn các nút 3 hoặc 4 để tăng hoặc giảm tốc độ mô phỏng (Hình 71).
5. Nhấn nút 2 để điều hướng đến tùy chọn BẬT/TẮT (Hình 72).



g193669



Hình 72

g193670

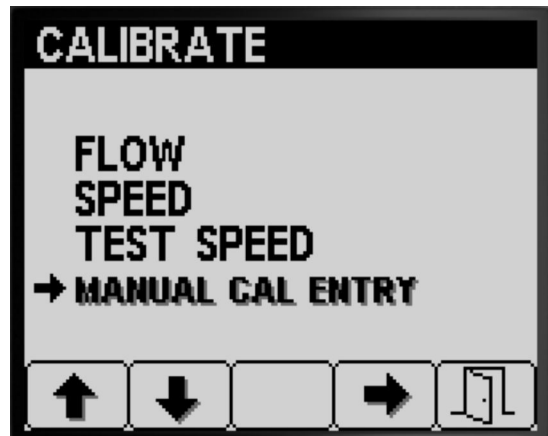
6. Nhấn nút 4 để BẬT hoặc TẮT mô phỏng tốc độ kiểm tra (Hình 72).
7. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt của bạn và thoát khỏi màn hình TỐC ĐỘ KIỂM TRA và quay lại màn hình HIỆU CHUẨN (Hình 72).

## Sử dụng Nhập Hiệu chuẩn Thủ công

Sử dụng màn hình nhập hiệu chuẩn thủ công để xem các giá trị hiệu chuẩn cho 3 phân đoạn máy phun (giàn), 2 phân đoạn máy phun (giàn), 1 phân đoạn máy phun (giàn) và tốc độ.

**Quan trọng:** Những mục hiệu chuẩn này là các số được sử dụng để tính toán các hệ số chỉnh sửa dòng chảy và tốc độ. Đừng thay đổi những số này. Sử dụng quy trình **Hiệu chuẩn Dòng chảy (trang 15)** và **Hiệu chuẩn Tốc độ (trang 22)**.

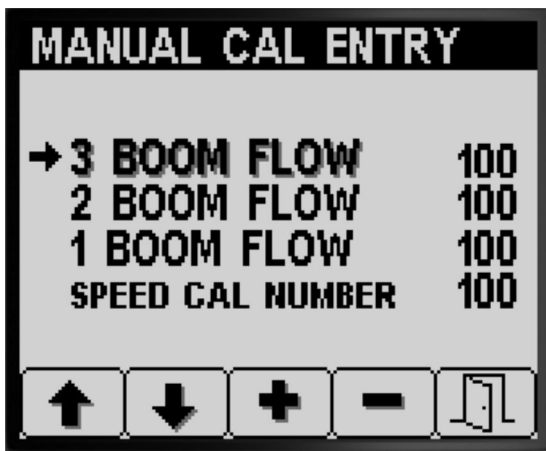
1. Nhấn các nút 1 hoặc 2 trên menu phụ HIỆU CHUẨN để điều hướng đến tùy chọn NHẬP HIỆU CHUẨN THỦ CÔNG (Hình 73).



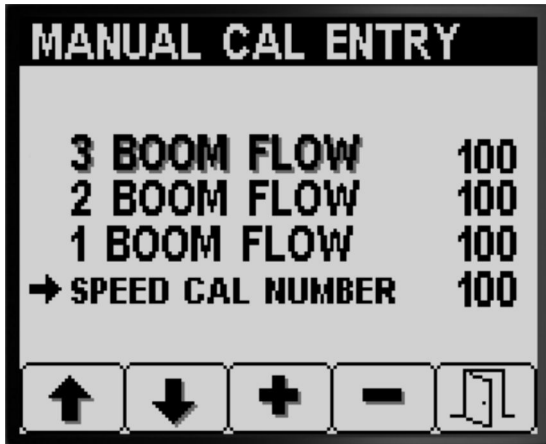
Hình 73

g193322

2. Nhấn nút 4 để chọn tùy chọn hiệu chuẩn Tốc độ (Hình 73).
3. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để chọn tùy chọn dòng chảy hoặc tốc độ của giàn (Hình 74).



g193543



g193544

Hình 74

4. Nhấn các nút 3 hoặc 4 để thay đổi giá trị của hệ số chỉnh sửa (Hình 74).
5. Nhấn nút 5 để lưu cài đặt của bạn và thoát khỏi màn hình NHẬP HIỆU CHUẨN THỦ CÔNG và quay lại màn hình HIỆU CHUẨN (Hình 74).

## Trong khi Vận hành

### Màn hình Diện tích Phun tưới InfoCenter

Sử dụng màn hình diện tích để nhận thông tin về những điều sau:

- Diện tích được phun tưới (mẫu Anh, hecta, hoặc 1000 ft<sup>2</sup>)
- Thể tích được phun tưới (gallon Mỹ hoặc lít)

### Sử dụng Màn hình Tổng Diện tích

- Sử dụng màn hình Tổng Diện tích để theo dõi tổng số mẫu Anh và gallon mà bạn đã phun trên tất cả

các khu vực kể từ khi thông tin tổng diện tích và tổng thể tích diện tích được đặt lại gần đây nhất.

- Bạn có thể sử dụng thông tin trên màn hình tổng diện tích để theo dõi diện tích và lượng hóa chất được phun cho địa điểm làm việc.
- Thông tin về tổng diện tích và tổng dung tích được phun tưới được tiếp tục tích lũy cho đến khi thiết đặt lại. Nhấn và giữ nút 4 để đặt lại thông tin tổng diện tích và tổng thể tích.

**Quan trọng:** Đặt lại thông tin về tổng diện tích và tổng dung tích trên màn hình tổng diện tích sẽ đặt lại tất cả thông tin về diện tích phụ và dung tích cho diện tích phụ đối với các diện tích phụ đang hoạt động và không hoạt động.

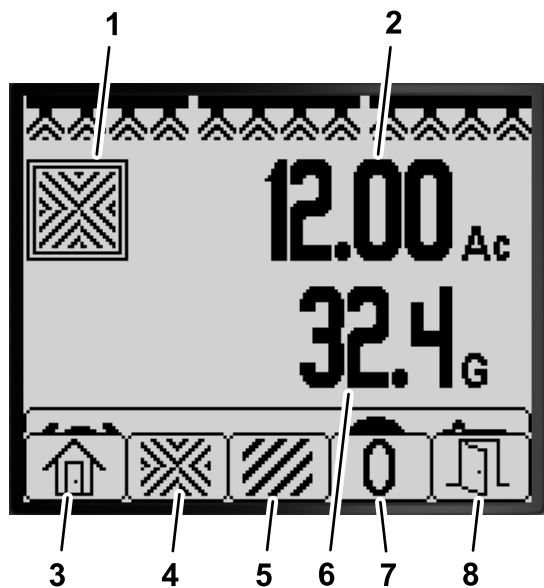
1. Từ màn hình Chính, nhấn và giữ bất kỳ nút nào trong giấy lát để mở thanh menu (Hình 75 và Hình 76).



g194882

Hình 75

2. Nhấn nút 2 để mở màn hình Tổng Diện tích (Hình 76).



g194884

Hình 76

Màn hình Tổng Diện tích

- |                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| 1. Biểu tượng tổng diện tích        | 5. Xem màn hình Khu vực Phụ                    |
| 2. Tổng diện tích đã phun (mẫu Anh) | 6. Tổng thể tích đã phun (US gallon)           |
| 3. Quay lại màn hình Chính          | 7. Đặt lại tổng diện tích và thể tích đã phun. |
| 4. Xem màn hình Tổng Diện tích      | 8. Thoát                                       |

**Lưu ý:** Đặt lại thông tin về tổng diện tích và tổng dung tích trên màn hình tổng diện tích sẽ đặt lại tất cả thông tin về diện tích phụ và dung tích cho diện tích phụ đối với các diện tích phụ đang hoạt động và không hoạt động.

**Lưu ý:** Nếu dữ liệu về dung tích được phun tưới và diện tích được phun tưới cho một diện tích phụ đã chọn bị xóa, hệ thống máy phun tưới sẽ trừ số lượng của dung tích được phun tưới và diện tích được phun tưới của diện tích phụ đó khỏi dữ liệu về tổng dung tích được phun tưới và tổng diện tích được phun tưới.

- Để kích hoạt một khu vực phụ khác, hãy nhấn và nhả các nút 3 hoặc 4 trên InfoCenter.

**Quan trọng:** Số hiển thị trong hộp ở dưới biểu tượng khu vực phụ cho biết khu vực phụ đang hoạt động, trong đó thông tin về diện tích và thể tích được thu thập.

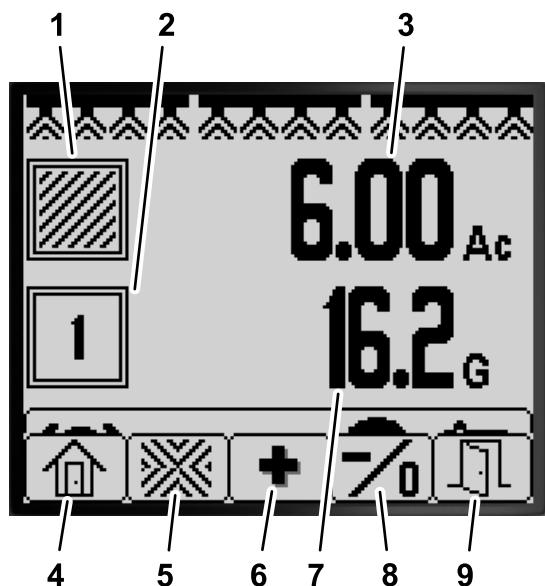
- Nếu dữ liệu hiện có trong diện tích phụ đang hoạt động mà bạn không cần, hãy đặt lại thông tin về diện tích và dung tích được phun tưới cho diện tích phụ đó.

1. Điều hướng đến menu Khu vực Phụ như sau:

3. Sử dụng các nút trên InfoCenter (Hình 76) để thực hiện các thao tác sau:
  - Nhấn nút 1 để quay lại màn hình Chính.
  - Nhấn nút 2 để điều hướng đến màn hình Tổng Diện tích.
  - Nhấn nút 4 để đặt lại tổng diện tích và tổng thể tích đã phun.
  - Nhấn nút 5 để thoát khỏi thanh menu.

## Sử dụng Màn hình Diện tích Phụ

- Sử dụng một diện tích phụ riêng cho mỗi công việc phun tưới tại địa điểm. Bạn có thể sử dụng tối đa 20 diện tích phụ để thu thập thông tin về máy phun tưới cho các công việc phun tưới tại địa điểm.
- Bạn có thể sử dụng thông tin trên màn hình diện tích phụ để theo dõi số lượng khu vực và lượng hóa chất được phun tưới cho mỗi công việc phun tưới mà bạn xác định tương ứng một diện tích phụ.
- Thông tin về diện tích và dung tích được phun tưới được tích lũy cho diện tích phụ đang hoạt động trong bộ nhớ hệ thống máy phun tưới cho đến khi thiết đặt lại. Nhấn và giữ nút 4 để đặt lại khu vực phụ hoặc đặt lại thông tin tổng diện tích và tổng thể tích ở màn hình tổng diện tích.



g194883

Hình 77

Màn hình Khu vực Phụ

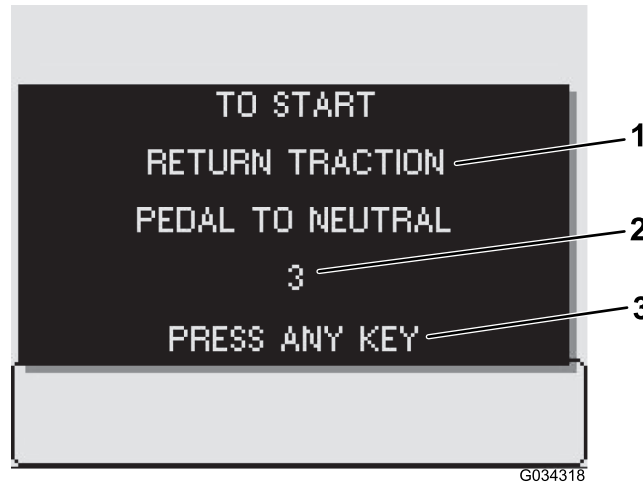
- |   |  |
|---|--|
| 1. Biểu tượng khu vực phụ                                       | 6. Chọn khu vực phụ tiếp theo  |
| 2. Khu vực phụ đang hoạt động                                   | 7. Thẻ tích đã phun trong khu vực phụ đang hoạt động (US gallon)   |
| 3. Diện tích đã phun trong khu vực phụ đang hoạt động (mẫu Anh) | 8. Chọn khu vực phụ trước đó; giữ nút để đặt lại diện tích và thẻ tích đã phun cho khu vực phụ đang hoạt động. |
| 4. Quay lại màn hình Chính                                      | 9. Thoát   |
| 5. Xem màn hình Tổng Diện tích                                  |  |

- Từ màn hình Chính, nhấn và giữ nút 5 để mở thanh menu và nhấn nút 2 để chọn màn hình Khu vực Phụ (Hình 77).
  - Từ Màn hình Tổng Diện tích, nhấn và giữ nút 5 để mở thanh menu và nhấn nút 3 để chọn màn hình Khu vực Phụ (Hình 77).
2. Sử dụng các nút trên InfoCenter (Hình 77) để thực hiện các thao tác sau:
- Nhấn nút 1 để quay lại màn hình Chính.
  - Nhấn nút 2 để điều hướng đến màn hình Tổng Diện tích.
  - Nhấn nút 3 để thay đổi khu vực phụ đang hoạt động sang khu vực phụ tiếp theo.
  - **Nhấn và thả** nút 4 để thay đổi khu vực phụ đang hoạt động thành khu vực phụ trước đó. **Nhấn và giữ** nút 4 để đặt lại diện tích và thẻ tích đã phun cho khu vực phụ đang hoạt động.
  - Nhấn nút 5 để thoát khỏi thanh menu.

# Tự vấn của InfoCenter

Trên màn hình InfoCenter sẽ tự động hiển thị các tự vấn cho người vận hành khi một chức năng của máy yêu cầu phải có hành động bổ sung. Ví dụ: nếu bạn cố gắng khởi động động cơ trong khi nhấn bàn đạp kéo, thì sẽ hiển thị thông tin tự vấn, cho biết bàn đạp kéo phải ở vị trí SỐ MO.

Đối với mỗi lời tự vấn xuất hiện, có một điều kiện (ví dụ: ngăn khởi động, dừng động cơ), mã tự vấn (số), dữ liệu định tính (nguyên nhân lời tự vấn được hiển thị) và văn bản hiển thị (lời tự vấn hiển thị gì dưới dạng văn bản trên màn hình) như được minh họa trong [Hình 78](#).



Hình 78

g034318

1. Văn bản hiển thị
2. Mã tự vấn
3. Nhấn bất kỳ phím nào trên InfoCenter để xóa văn bản khỏi màn hình hiển thị.

**Lưu ý:** Nội dung tự vấn không đăng nhập vào nhật ký lỗi.

**Lưu ý:** Bạn có thể xóa nội dung tự vấn khỏi màn hình hiển thị bằng cách nhấn nút bất kỳ trên InfoCenter.

Tham khảo bảng sau để biết tất cả nội dung tự vấn của InfoCenter:

## Bảng Tự vấn

| Điều kiện           | Mã  | Dữ liệu định tính                          | Văn bản Hiển thị   |
|---------------------|-----|--|--|
| Ngăn Khởi động      | 2   | Công tắc bơm đang hoạt động                | Để khởi động, hãy tắt bơm                                  |
| Ngăn Khởi động      | 3   | Không ở SỐ MO                              | Để khởi động, hãy đưa bàn đạp kéo về số mo                 |
| Ngăn Khởi động      | 4   | Ra khỏi ghế                                | Để khởi động, phải ngồi trên ghế hoặc cài đặt phanh đỗ     |
| Ngăn Khởi động      | 5   | Hết thời gian chờ bật bộ khởi động         | Để khởi động, hãy để bộ khởi động nghỉ ngơi                |
| Ngăn Khởi động      | 6   | Bơm rửa đang hoạt động                     | Để khởi động, hãy tắt bơm rửa                              |
| Dừng Động cơ        | 102 | Ra khỏi ghế                                | Động cơ dừng do người vận hành ra khỏi ghế                 |
| Dừng Động cơ        | 103 | Cài đặt phanh đỗ                           | Động cơ dừng do bật phanh đỗ                               |
| Ngừng Khởi động Bơm | 202 | Giàn đang hoạt động                        | Để khởi động bơm, hãy tắt giàn                             |
| Ngừng Khởi động Bơm | 203 | Ra khỏi ghế và phanh đỗ không được cài đặt | Để khởi động bơm, phải ngồi trên ghế hoặc cài đặt phanh đỗ |
| Ngừng Khởi động Bơm | 204 | Bơm khởi động khi xe dừng                  | Để khởi động bơm, hãy di chuyển xe                         |

## Bảng Tư vấn (cont'd.)

| Điều kiện              | Mã   | Dữ liệu định tính                                | Văn bản Hiển thị  |
|------------------------|------|--|---|
| Ngừng Khởi động Bơm    | 205  | Đang khởi động động cơ                           | Để khởi động bơm, hãy dừng quay động cơ                         |
| Bơm Đã Tắt             | 206  | Ra khỏi ghế                                      | Để khởi động bơm, hãy ngồi yên trên ghế                         |
| Ngăn Lái xe            | 302  | Phanh đỗ được bật trong khi lái xe               | Để tiếp tục lái xe, hãy nhả phanh đỗ                            |
| Trạng thái Bình        | 402  | Thế tích bình phun thấp                          | Trạng thái bình, thế tích thấp                                  |
| Trạng thái Bình        | 403  | Bơm rửa đang hoạt động                           | Trạng thái bình, bật bơm rửa                                    |
| Trạng thái Thông số    | 502  | Nhập sai giá trị thông số                        | Trạng thái thông số, giá trị không hợp lệ                       |
| Trạng thái Thông số    | 503  | Giá trị nằm ngoài phạm vi giá trị được chấp nhận | Trạng thái thông số, mặc định dữ liệu không hợp lệ được sử dụng |
| Giàn Đã Tắt            | 802  | Giảm tốc độ                                      | Giàn đã tắt, dừng hoặc di chuyển quá chậm                       |
| Cấu hình GeoLink       | 902  | Xung đột bộ điều khiển GeoLink                   | Cấu hình GeoLink, kiểm tra bộ điều khiển GeoLink                |
| Cấu hình GeoLink       | 903  | Cài đặt InfoCenter                               | Cấu hình GeoLink, kiểm tra cài đặt InfoCenter                   |
| Máy đo Tỷ lệ Lưu lượng | 1002 | Không có tín hiệu dòng chảy                      | Đồng hồ đo lưu lượng, không phát hiện thấy dòng chảy            |
| Công tắc số mo         | 1102 | Tín hiệu công tắc số mo                          | Công tắc số mo, chuyển động khi ở số mo                         |

## Mã Lỗi InfoCenter

Mã lỗi hiển thị trên màn hình InfoCenter khi có sự cố với hệ thống điện tử hoặc máy tính. Ví dụ: nếu cầu chì dành cho bộ điều khiển điện tử Toro đang mở, InfoCenter sẽ hiển thị mã lỗi 1. Tham khảo bảng mã lỗi để biết danh sách mã lỗi và hành động đề xuất.

### Bảng Mã Lỗi

| ID lỗi | Thành phần hoặc Hệ thống bị ảnh hưởng  | Mô tả  | Hành động Đề xuất                                     |
|--------|--|--|---|
| 1      | Bộ điều khiển điện tử Toro (TEC) chính | Tín hiệu đến hoặc từ TEC chính nằm ngoài phạm vi.        | Gọi cho Nhà phân phối Dịch vụ được Ủy quyền của Toro. |
| 2      | Cầu chì đầu ra                         | Cầu chì dành cho TEC chính đang mở.                      | Thay cầu chì; tham khảo hướng dẫn vận hành.           |
| 3      | Lỗi rò le nguồn chính                  | Rò le nguồn chính không cung cấp dòng điện.              | Gọi cho Nhà phân phối Dịch vụ được Ủy quyền của Toro. |
| 4      | Lỗi hệ thống sạc                       | Điện áp máy dao điện quá cao hoặc quá thấp.              |   |
| 14     | Phiên bản phần mềm không tương thích   | Các phiên bản phần mềm không khớp                        |   |
| 17     | Hết thời gian chờ khởi động            | Bộ khởi động được bật quá lâu.                           |   |
| 18     | Công tắc số mo của bàn đạp kéo         | Công tắc bàn đạp kéo không khớp với tốc độ trên mặt đất. |   |

## Bảng Mã Lỗi (cont'd.)

| ID lỗi | Thành phần hoặc Hệ thống bị ảnh hưởng | Mô tả   | Hành động Đề xuất   |
|--------|---------------------------------------|---|---|
| 19     | Máy đo tỷ lệ lưu lượng                | Không có tín hiệu từ máy đo tỷ lệ lưu lượng khi phun. | Phun ở chế độ thủ công; Gọi cho Nhà phân phối Dịch vụ được Ủy quyền của Toro. |
| 41     | Van điều khiển bơm phun tưới          | Bộ điều khiển TEC có sự cố điện.                      | Gọi cho Nhà phân phối Dịch vụ được Ủy quyền của Toro.                         |



# Bảo trì

## Màn hình Chức năng vận hành

1. Để truy cập màn hình Dịch vụ, nhấn nút 2 trên màn hình Menu Chính để điều hướng đến tùy chọn DỊCH VỤ (Hình 79); tham khảo [Truy cập Màn hình Menu Chính \(trang 4\)](#).



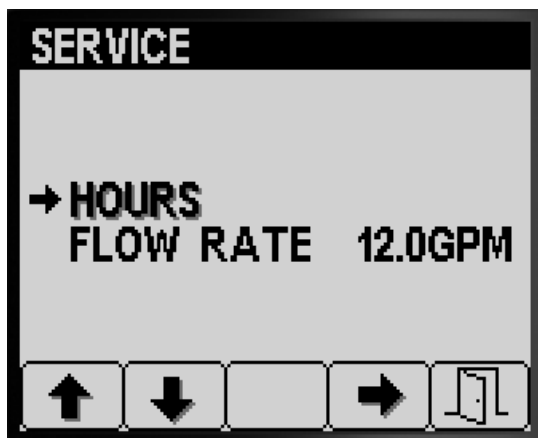
Hình 79

g192026

2. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ DỊCH VỤ (Hình 79).  
Màn hình này hiển thị và cho phép bạn hiển thị thông tin về giờ và tỷ lệ lưu lượng.

## Xem Giờ Vận hành

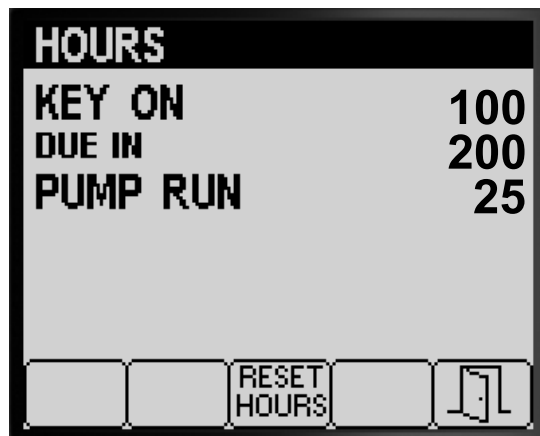
1. Nhấn nút 1 hoặc 2 trên màn hình Dịch vụ cho đến khi bạn đạt đến tùy chọn SỐ GIỜ (Hình 80).



Hình 80

g192029

2. Nhấn nút 4 để chọn mục Số giờ (Hình 80).
3. Sử dụng thông tin bộ đếm (Hình 81) được hiển thị trên màn hình để xác định những điều sau:



Hình 81

g192028

- Số giờ mà chìa khóa ở vị trí BẬT.
  - Số lượng cho đến khi dịch vụ đến hạn.
  - Số giờ mà bơm phun tưới đã chạy.
4. Để đặt lại số giờ cho tất cả thông tin bộ đếm, nhấn nút 3 (Hình 81).
  5. Nhấn nút 5 để thoát khỏi màn hình SỐ GIỜ và quay lại màn hình DỊCH VỤ (Hình 81).

## Xem Tỷ lệ Lưu lượng

Trong khi bơm phun tưới đang chạy, hãy xem tỷ lệ lưu lượng (Hình 82) được đo bằng đồng hồ đo lưu lượng theo các đơn vị đo sau:



Hình 82

g192027

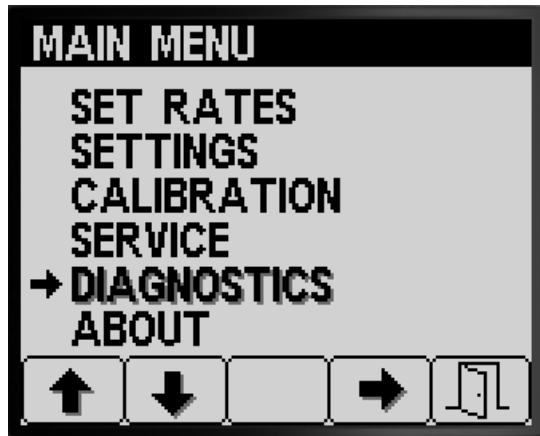
- Gallon trên phút
- Lít trên phút

Nhấn nút 5 để thoát khỏi màn hình DỊCH VỤ và quay lại màn hình MENU CHÍNH (Hình 82).

## Màn hình Chẩn đoán

1. Để truy cập màn hình Chẩn đoán, nhấn các nút 1 hoặc 2 trên màn hình Menu Chính để điều

hướng đến tùy chọn CHẨN ĐOÁN (Hình 83); tham khảo Truy cập Màn hình Menu Chính (trang 4).



Hình 83

g192025

| PUMPS           |     |
|-----------------|-----|
| M. SWITCH       | ON  |
| RINSE           | OFF |
| RINSE TIMED     | OFF |
| AGITATION VALVE | OFF |
| PUMP            | OFF |
| NEUTRAL         |     |
| MASTER VALVE    | ON  |
| RINSE PUMP      | OFF |

| BOOMS       |    |
|-------------|----|
| LEFT        | ON |
| CENTER      | ON |
| RIGHT       | ON |
| MASTER BOOM | ON |
| L. VALVE    |    |
| C. VALVE    | ON |
| R. VALVE    | ON |

| ENGINE RUN    |     |
|---------------|-----|
| KEY START     | OFF |
| KEY RUN       | ON  |
| NEUTRAL       |     |
| SEAT          | ON  |
| PARKING BRAKE | ON  |
| PUMP          | ON  |
| OK RUN        | ON  |
| START         | OFF |

Hình 85

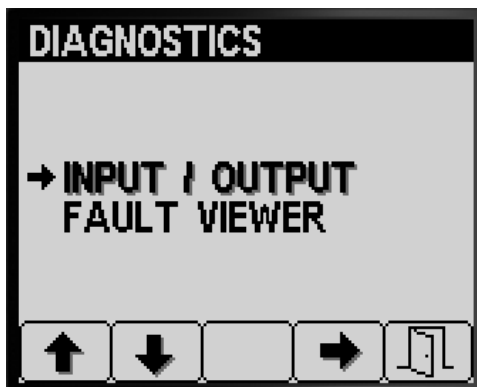
g192033

2. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ CHẨN ĐOÁN (Hình 83).

Màn hình này hiển thị và cho phép bạn hiển thị thông tin đầu vào, đầu ra và lỗi.

## Xem Báo cáo Dữ liệu Đầu vào/Đầu ra

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 trên màn hình Chẩn đoán cho đến khi bạn đạt đến tùy chọn DỮ LIỆU ĐẦU VÀO/ĐẦU RA (Hình 84).

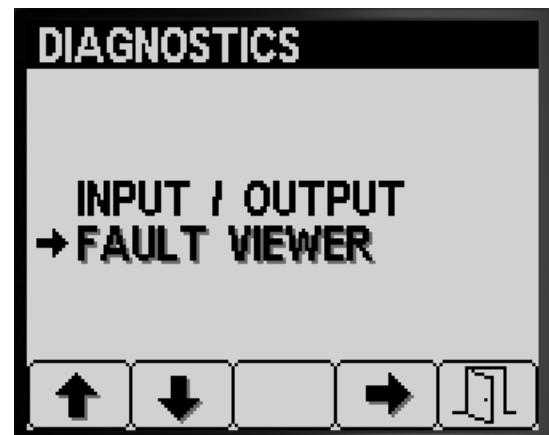


Hình 84

g192031

## Xem Lỗi Hệ thống Máy phun tưới

1. Nhấn nút 1 hoặc 2 trên màn hình Chẩn đoán cho đến khi bạn đạt đến tùy chọn TRÌNH XEM LỖI (Hình 86).



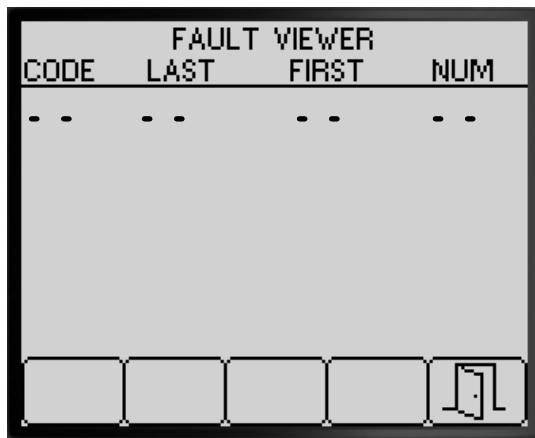
Hình 86

g192030

2. Nhấn nút 3 để chọn mục DỮ LIỆU ĐẦU VÀO/ĐẦU RA (Hình 84).
3. Sử dụng các nút 1 hoặc 2 để điều hướng và xem lại thông tin trạng thái của dữ liệu đầu vào và đầu ra của hệ thống máy phun (Hình 85).

2. Nhấn nút 3 để chọn mục TRÌNH XEM LỖI (Hình 86).
3. Xem lại trình xem lỗi để biết các lỗi do hệ thống máy phun gây ra (Hình 87).

**Lưu ý:** Nếu bạn thấy các lỗi được liệt kê trong trình xem, hãy liên hệ với Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền của Toro.



Hình 87

g192032

4. Nhấn nút 5 để thoát khỏi màn hình TRÌNH XEM LỖI và quay lại màn hình CHẨN ĐOÁN (Hình 87).

## Màn hình Giới thiệu

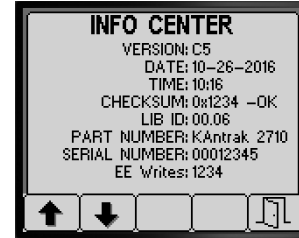
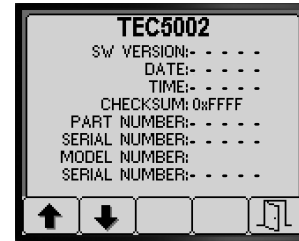
1. Để truy cập màn hình Giới thiệu, nhấn các nút 1 hoặc 2 trên màn hình MENU CHÍNH để điều hướng đến tùy chọn GIỚI THIỆU (Hình 88).



Hình 88

g192023

2. Nhấn nút 4 để chọn menu phụ Giới thiệu (Hình 88).



Hình 89

g192034

3. Nhấn các nút 1 hoặc 2 để cuộn màn hình thông tin máy, màn hình thông tin bộ điều khiển TEC hoặc màn hình thông tin InfoCenter (Hình 89).
4. Nhấn nút 5 để thoát khỏi màn hình GIỚI THIỆU và quay lại màn hình CHẨN ĐOÁN (Hình 87).



**Count on it.**